

# **Đất nước Việt thời thượng cổ trong vùng Đông Á**

*Thành kính ghi nhớ công đức tổ tiên*

**Đỗ Hoàng Ý**

**Lời nói đầu:** Ngày nay khi tìm hiểu về sử thượng cổ của dân tộc Việt, chúng ta vẫn gặp nhiều điều mơ hồ về nguồn gốc dân tộc Việt, về đất nước Việt thời cổ xưa trải gồm những nơi nào, về tiếng và chữ Việt thượng cổ ra sao ....

Truyền thuyết có nhiều, kho tàng truyện cổ, ca dao lịch sử thật phong phú, nhưng sử sách thì bị cướp phá mất rất nhiều, người đời sau phải chịu thiệt thòi, cho nên tìm hiểu về lịch sử nước nhà trong khoảng 5 thế kỷ trở lại đã là việc khó, còn cố tìm hiểu về lịch sử thời cổ xưa 2,000 – 3,000 năm trước thì thật là mờ mịt vô chừng.

Thêm nữa, từ khoảng thập niên 1930 đến thập niên 1980 - 1990, vì hoàn cảnh chính trị và chiến tranh, việc tìm hiểu dữ kiện lịch sử thượng cổ miền Đông Á bị giới hạn rất nhiều, các sử gia, các học giả thường phải dựa vào sử liệu thuần văn bản, vì không có được các dữ kiện khoa học và khảo cổ thực chất.

Người viết không có ý xúc phạm đến tiền nhân, các sử gia, các học giả của nước Việt, chỉ mong là trong khi tìm hiểu và diễn giải sử Việt thượng cổ, sẽ thận trọng không để mình bị vướng mắc vào những điều mơ hồ hoặc mâu thuẫn, để có thể hiểu sử Việt sao cho hợp lý và sẽ không tiếp tục dùng những chi tiết sai lạc đã được sao chép nhiều lần qua nhiều đời trong các sử liệu, trong các nghiên cứu về sử Việt thượng cổ.

Bài viết chắc chắn có những điều sơ xuất hoặc sai sót, rất mong các bậc cao minh chỉ bảo để chúng tôi được học hỏi thêm, hiệu đính bài viết để tránh phạm lỗi gây ra thêm những ngộ nhận có ảnh hưởng không hay đến người đọc, đến người đời sau.

Xin mời bạn đọc cùng *đi tìm* đất nước Việt cổ trong vùng Đông Á. Chúng ta chú tâm đến Đông Á là vì rõ ràng có nhiều **Địa danh Lịch sử đất nước Việt thượng cổ trong vùng Đông Á.**

Những tên đất, tên sông, tên núi... thân quen có nguồn gốc từ thời cổ xưa, theo cách gọi của người Đông Á thượng cổ, theo tiếng nói của các chủng tộc trong Bách Việt sinh sống trong vùng đồng bằng Trường Giang (Dương tử giang) trải dài đến khắp miền Lĩnh Nam: hồ Động Đình, sông Tương, Mi Linh (Mê Linh), .... cho chúng ta thấy rất nhiều phần là **đất nước Việt cổ từ thượng cổ, đến thời các vua Hùng, mãi đến thời Hai Bà Trưng đã không hiện hữu nơi đồng bằng sông Hồng.**

Trong khi tìm hiểu lại đất nước Việt thời thượng cổ của các chủng tộc Việt trong vùng Đông Á, chúng ta cần lưu ý phân biệt những *địa danh hành chính* hay *chính trị* do các vua quan, sử gia, văn gia Tàu đặt ra từ các đời Tần, Hán, Đường như: Tượng Quận, Cửu Chân, Nhật Nam, Lâm Ấp ...

Các triều đại Tàu qua nhiều đời đã không bỏ lỡ một cơ hội nào để áp đặt *tên* cho các thành trì, những nơi mà binh tướng họ chiếm đoạt được và lịch sử hóa các địa danh hành chính cho thích ứng với những dụng tâm chính trị của họ. Vì lý do ấy, các địa danh *xa lạ với dân chúng* đó đã được tận dụng ghi chép trong các sử liệu *kinh điển*, các thư tịch *hàn lâm* của mọi triều đại Tàu:

- \* Sử Ký (史記- Shiji- 94 trước TL): tác giả Tư Mã Thiên (Sima Qian- 司馬遷 , 145 – 86 trước TL)
- \* Hán Thư (漢書-Han shu -111 TL), có khi còn được gọi là Tiền Hán Thư: tác giả Ban Bưu, Ban Cố, Ban Chiêu và Mã Tục
- \* Giao Châu Ngoại vực ký (交州外域記 -Jiao Zhou Wai Yu ji) (205- ....) tác giả không để lại tên
- \* Hậu Hán Thư (後漢書 -Hou Han shu - 445 TL): tác giả Phạm Diệp (Việp) (Fan Yeh, 398-446)
- \* Thủy Kinh Chú (水經注 -Shui-ching zhu): tác giả Lịch Đạo Nguyên (Li Dao-Yuan, 466 – 527)
- \* Cựu Đường Thư (舊唐書 -Jiu tang shu ) tác giả Lưu Hú (Liu Xu, 887-946)
- \* Tân Đường Thư (新唐書 -Hsin Tang shu): tác giả Âu Dương Tu (1007- 1072) và Tống Kỳ (998-1061)....

Đến cuối thế kỷ XX, nhờ vào những kiến thức quý báu do từ biết bao nhà nghiên cứu tận tụy đóng góp cho nhân loại, phổ biến rộng rãi qua internet, chúng ta có thể phân tích và đối chiếu các sử liệu trong thư tịch Tàu với những kết quả khai quật khảo cổ. Suy xét cẩn thận phương cách các sử quan và văn gia Tàu ghi chép sử Việt thượng cổ, chúng ta có thể nhận ra được:

\* nhiều dữ kiện sơ lược, sai lạc, nhiều khi miệt thị khinh bạc: Thí dụ như *công trình khai hóa dân Lạc Việt ở Lĩnh Nam* của các Thái Thú Tích Quang ((Xi Guang/ Hsi Kuang) (làm Thái Thú năm 2 đến 29 sau Tây lịch), Nhâm Diên (Ren Yan / Jen Yen) (làm Thái Thú năm 29 đến 33 sau Tây lịch) được ghi chép trong Hậu Hán Thư:

*.....thời Bình Đế có Tích Quang, người Hán Trung làm thái thú Giao Chi, lấy lễ nghĩa dạy cho dân Man di ăn ở, tiếng giáo hóa cũng lừng lẫy như ông Diên\*...Đất Lĩnh Nam giữ phong tục Trung Hoa bắt đầu từ hai thái thú đó...*  
(\*Nhâm Diên)

*.... (người Việt) "không có phép cưới hỏi... không quen thói sống chung với nhau nên không biết tình cha con, không biết đạo vợ chồng"...*

\* những hiểu biết mơ hồ hoặc hiểu sai về các *cõi ngoài* đất Tàu, ghi chép bất công với các dân tộc **không Hán**, thêm thắt những điều sai lạc:

*..... Diên bèn truyền đúc các thứ điền khí **dạy** cho họ khẩn ruộng... (khi Nhâm Diên làm Thái Thú Cửu Chân)*

\* nhiều truyền thuyết pha trộn dã sử, kèm thêm suy đoán vu vơ: Thí dụ như các sự kiện về “Trụ đồng Mã Viện”.

### **Khảo luận:**

\* Tập tục cưới hỏi, cũng như các lễ nghi, tập quán trong đời sống mỗi dân tộc mỗi khác. Các tộc người Việt thượng cổ có phong tục của người Việt. Dân Tàu (hợp chủng Mông - Hoa) có tập quán của dân Tàu.

Theo cổ sử Tàu, Hậu Hán thư, khi Mã Viện đem quân xâm chiếm đất nước Việt thượng cổ năm 43 Tây lịch, chỉ khoảng 10 năm sau khi Tích Quang, Nhâm Diên làm Thái Thú, Mã Viện đã điều tâu:

...Luật Việt và luật Hán khác nhau đến hơn mười điều...

Viện bèn cùng người Việt nói rõ chế độ cũ để ước thúc. Tự hậu, người Việt làm theo những việc đã cùng thuận với Mã Viện... (Hậu Hán thư được biên soạn gần 500 năm sau thời Mã Viện)

Điều này chứng tỏ xã hội Việt đã có tổ chức, luật Việt đã có thể chế từ trước khi nhà Hán xâm chiếm đất nước Việt thượng cổ, và Mã Viện đã thỏa thuận cùng tôn trọng phần nào phong tục tập quán cũ của người Việt.

Như thế, điều khá chắc là các Thái Thú theo lệnh triều đình nhà Hán xóa bỏ văn hóa của các tộc Việt thượng cổ, ép buộc, chứ không phải là giáo hóa, người Việt cổ phải theo văn hóa Tàu. Việc áp đặt lễ giáo của Tàu lên xã hội Việt thực chất chỉ là để phục vụ cho công cuộc thống trị của nhà Hán, bắt ép dân Việt tôn sùng triều đình Hán.

\*Nhiều nghiên cứu đồng ý là văn minh lúa nước trong vùng Lĩnh Nam bắt đầu khoảng thời văn hóa Đông Sơn (từ khoảng 800 năm trước Tây lịch đến khoảng 200 năm sau Tây lịch). Các di chỉ khảo cổ cho thấy các tộc người thượng cổ thời Đông Sơn đã có được nhiều kinh nghiệm trồng lúa nước, bằng chứng là họ đã biết tạo ra và dùng nhiều công cụ nông nghiệp như lưỡi cày, cuốc, xẻng, rìu, lưỡi dao gặt bằng đồng và sắt, có nhà kho chứa thóc và biết giã gạo (ghi lại qua hoa văn trống đồng) thay vì dùng bàn nghiền bằng đá vì sản xuất lúa đã nhiều.

Khi Nhâm Diên làm Thái Thú Cửu Chân đã là vào cuối thời Đông Sơn, chẳng lẽ là các tộc dân đã có kinh nghiệm làm ruộng lúa nước gần cả ngàn năm lại phải học *khẩn ruộng* từ người du mục phương Bắc? Nên chuyện ...“*Diên bèn truyền đúc các thứ điền khí **đay** cho họ khẩn ruộng*” ...thực là không hợp lý.

\* Chúng ta cần khảo cứu thêm để minh định Cửu Chân thời nhà Hán không phải là ở vùng Thanh Hóa, Nghệ An của Việt Nam ngày nay!

Sử sách cổ có ghi:... “*Dân Giao Chỉ đã giỏi làm ruộng, có dư thóc để bán cho Hợp Phố và Cửu Chân, dân Hợp Phố chỉ mò trai chứ không trồng trọt, còn dân Cửu Chân thì cứ săn hái, câu kéo*”. Nhà Hán gộp đất Nam Việt nhà Triệu vào với lĩnh thổ Giao Chỉ đến tận miền Lĩnh Nam. Hợp Phố giáp ranh Lĩnh Nam, về phía Đông Nam, ra sát Nam Hải. Cửu Chân giáp ranh Giao Chỉ, nên nhiều phần là ở về phía Tây Bắc Lĩnh Nam (vùng đất Dạ Lang thuộc cao nguyên Quý Châu) và phía Tây Lĩnh Nam (vùng đất Điền thuộc Vân Nam). Chuyện ...“*Diên bèn truyền đúc các thứ điền khí **dạy** cho họ khẩn ruộng*” ...nêu có chẳng nữa, chắc chỉ là Nhâm Diên đã “*dạy*” một tộc dân trong vùng cao nguyên Quý Châu, Vân Nam làm ruộng lúa rẫy!

Như thế, chuyện Nhâm Diên “*dạy*” cho dân Việt dùng điền khí để cày cấy, hay chuyện Nhâm Diên và Tích Quang “*giáo hóa*” dân Việt, nhiều phần chỉ là những huyền thoại tâng công của các Thái Thú và để làm đẹp cho chế độ đô hộ của triều đình Tàu.

Vì thế, khi tìm hiểu sử Việt cổ, chúng tôi đã **không nhất thiết coi trọng nhiều sử liệu của Tàu được soạn từ thời Tần, Hán trở về sau và luôn suy xét cẩn thận khi dẫn chứng từ các sử liệu đó**. Thêm nữa, sau nhiều thế kỷ các văn bản cổ sử từ đời Tần, Hán còn truyền lại về sau không phải là nguyên bản mà là các bản được sao chép qua nhiều đời nên chắc là đã không tránh khỏi bị thêm bớt, sửa đổi hoặc sao chép sai nhầm.

Chúng tôi **cũng không quá tin** vào những tác phẩm của các tác giả ngoại quốc đã chấp nhận nhiều sử liệu theo sát văn bản cổ sử Tàu, thí dụ như:

\* “La Frontière Sino-Annamite – Description géographique et ethnographique” (d’après les documents officiels chinois traduits pour la première fois), tác giả Gabriel Devéria (1844-1899), do Ernest Leroux ấn loát, l’École des Langues Orientales Vivantes xuất bản, Paris -1886) (dịch từ Đại Thanh Nhất Thống Chí - 大清一統志 - được khắc bản gỗ in năm 1764 theo lệnh của vua Càn Long nhà Thanh, hoàn tất năm 1789)

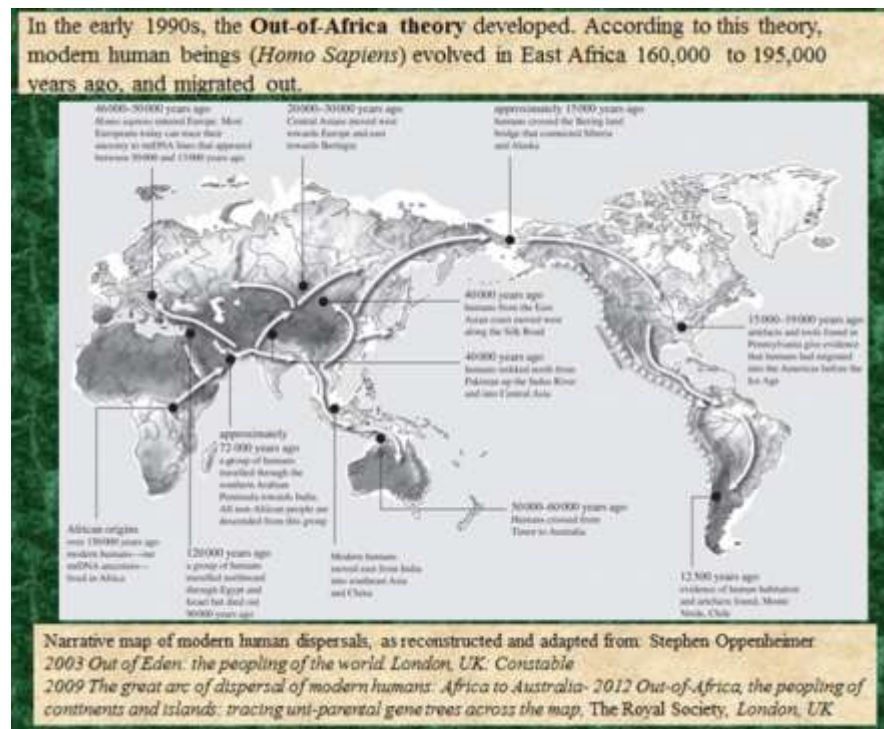
\*

\*

\*

Vào thời điểm này, trong những năm đầu thế kỷ XXI, nhờ học hỏi được từ những công trình biên khảo của nhiều nhà nghiên cứu, chúng tôi xin trình bày tóm lược theo thứ tự thời gian như sau:

**Khoảng 170,000 năm trước đây**, người Homo Sapiens đã ra khỏi Phi châu (Out of Africa theory- Alan C. Wilson và Rebecca L. Cann, 1990's), nhưng đến khoảng 90,000 năm trước thì bị tuyệt diệt, tuy không rõ nguyên do, nhưng rất có thể là vì khí hậu lạnh khắc nghiệt trong vùng núi đồi Trung Đông. Đợt thứ hai rời Phi châu ra đi **80,000** năm trước (*làn sóng di cư thứ hai* - theo Spencer Wells- *The Journey of Man*, 2002) di cư men theo bờ biển Nam Á.



Nguồn ảnh: Internet

**Người Đông Nam Á thượng cổ có nguồn gốc từ Phi Châu**

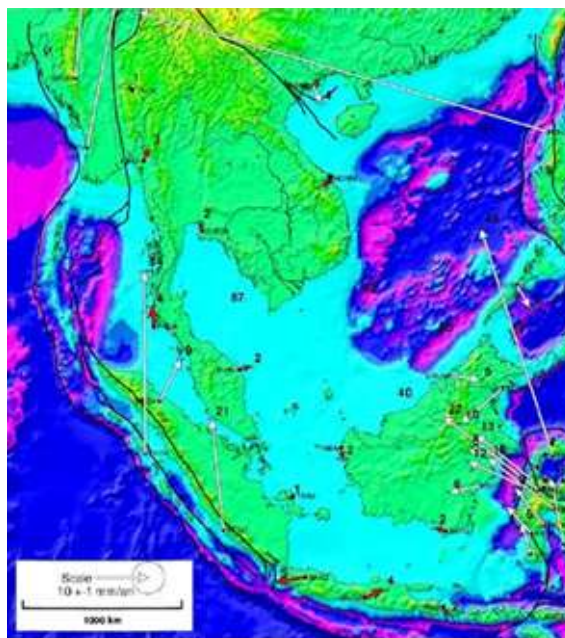
Đến khoảng **45,000** năm trước, dòng dõi đoàn người di cư đến được vùng lục địa Đông Nam Á cổ xưa và định cư nơi miền thềm lục địa phì nhiêu **Sundaland** (còn có những tên gọi khác như: Lemuria, Mu, Atlantis...).

Nhờ thế, nơi vùng đồng bằng Sundaland bao la, khí hậu ẩm áp quanh năm, nhiều sông hồ, cây cối xanh tươi, hoa trái sung túc, nhiều thú rừng, lại thêm biển cả mênh mông, dồi dào tôm cá, người thượng cổ đã tìm được địa đàng chốn trần gian. Đến nay, chúng ta vẫn chưa biết người thượng cổ đặt tên cho **địa đàng** này là gì? Khoa học hiện đại gọi với những tên khác nhau: - "the lost Atlantis" ở trong vùng Sundaland (theo Arysio Santos, người Brazil), - Eden in the East (theo Stephen Oppenheimer - người Anh): Địa đàng ở phương Đông.

Các chủng tộc người thượng cổ Đông Nam Á định cư lâu dài trên lục địa Sundaland trong khoảng hơn 20,000 năm, sinh sôi nảy nở thành một đại chủng: Đại chủng Australoid (theo cách gọi của khoa nhân chủng học ngày nay), sáng tạo **công cụ đá mới** đầu tiên của nhân loại, khởi phát nông nghiệp, trồng được cây kê, các loại lúa nước, khoai sọ, khoai mỡ, mía và chuối, thuần hóa gà, chó, lợn...



Nguồn ảnh: Internet



Nguồn ảnh: Internet

Vào thời kỳ Băng Giá cuối (the last Ice Age - Pleistocene), khoảng **15,000 – 18,000** năm trước, Sundaland cao hơn mặt biển khoảng 20 thước (meters) và mực nước biển thời đó thấp hơn mực nước ngày nay khoảng 120 thước. Như vậy là Sundaland thấp hơn mực nước biển ngày nay khoảng 100 thước.

Khi kỳ Băng Giá kết thúc, băng giá tan, nước biển dâng cao- “**biển tiến**”- phủ ngập Sundaland và các vùng thềm lục địa khắp miền Đông Á! (Theo tác giả Stephen Oppenheimer - “*Eden in the East: the Drowned Continent of Southeast Asia*,” - 1998)

Nhiều đợt người thượng cổ rời miền thềm lục địa đất thấp - Sundaland- để tránh nạn nước lụt vì “biển tiến”, di cư vào các vùng đất cao hơn ở sâu trong lục địa Đông Nam Á và Đông Á hoặc phân tán ra các vùng đảo Polynesia trong Thái Bình Dương.



Để có thể giải thích thời điểm hình thành của các nền văn hóa thượng cổ trong vùng Đông Á, chúng tôi **bổ túc thuyết di dân thời thượng cổ từ lục địa Đông Nam Á cổ xưa đến vùng Đông Á** như sau:

**Khoảng 15000 – 20000 năm trước**, người thượng cổ đã di cư từ lục địa Đông Nam Á cổ xưa (Sundaland) men theo bờ biển lên phía Bắc, lần lượt đến **định cư nơi các vùng châu thổ của các dòng sông**:

1. sông Mạ (Mã/ Lôi giang) và sông Cả: Văn hóa Hòa Bình (khoảng 20000 – 15000 năm trước TL).

2. sông Hồng - vịnh Bắc Việt ngày nay: văn hóa Sơn Vi (khoảng 18000 - 12000 năm trước TL), văn hóa Soi Nhụ (khoảng 18000 - 7000 năm trước TL), văn hóa Bắc Sơn... (khoảng 11000 – 7000 năm trước TL)

3. Châu giang\* (Pearl river): (khoảng 12000 - 8000 năm trước TL).

4. Dương tử giang: văn hóa Bành Đầu Sơn (Pengtoushan) (khoảng 9000 - 5500 năm trước TL), khai quật thấy vào năm 1988

5. Hoài thủy - Lạc thủy - Nam Hoàng hà: Văn hóa Giả Hồ (Jiahu) (khoảng 8000 -5500 năm trước TL), khai quật thấy vào năm 1962, văn hóa Bội Lý Cương (Peiligang) (khoảng 5500 - 5000 năm trước TL) khai quật thấy năm 1977.

VASCE



\* Châu giang: Xưa là Việt giang (粵江), còn có tên nôm na *sông Quảng Đông*, sau đổi là Nam giang. Đến thế kỷ XIX, nhà Thanh bên Tàu đổi là Tây giang. Thực ra, Tây giang, Bắc giang và Đông giang là ba phụ lưu hợp lại thành Châu giang. Đến thế kỷ XX, sông được đặt tên Châu giang theo đảo *Hải Châu* (海珠), tại đoạn giữa của sông. Tính theo lưu lượng thì đây là sông lớn thứ hai, sau Trường giang (Dương tử giang), trong vùng Đông Á. .

Nguồn ảnh: Internet – Tổng hợp và Chú thích: YHDo © 2015

## Khoảng 20,000 – 15,000 năm trước TL: Văn hóa Hòa Bình

Hang Xóm Trại, Mường Vang cổ, thuộc địa phận Xóm Trại xã Tân Lập, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Hang được phát hiện năm 1974-75 sau đó đã được thăm dò khai quật 4 lần (1981, 1982, 1986 và 2004) và lối đi cổ được phát hiện năm 2008.



Nguồn ảnh: Internet – Tổng hợp và Chú thích: YHDo © 2015

Đồ trang sức bằng móng chim      Rìu đá

Di vật thượng cổ, văn hóa Hòa Bình

**Khoảng 18,000 – 12,000 năm trước TL: Văn hóa Sơn Vi**

**Khoảng 18,000 – 7,000 năm trước TL: Văn hóa Soi Nhụ**

**Khoảng 11,000 – 7,000 năm trước TL: Văn hóa Bắc Sơn**



Nguồn ảnh: Internet – Tổng hợp và Chú thích: YHDo © 2015

Hang Soi Nhụ (vịnh Bái Tử Long - Hạ Long)



Di vật thượng cổ: **Sơn Vi:** rìu đá mài

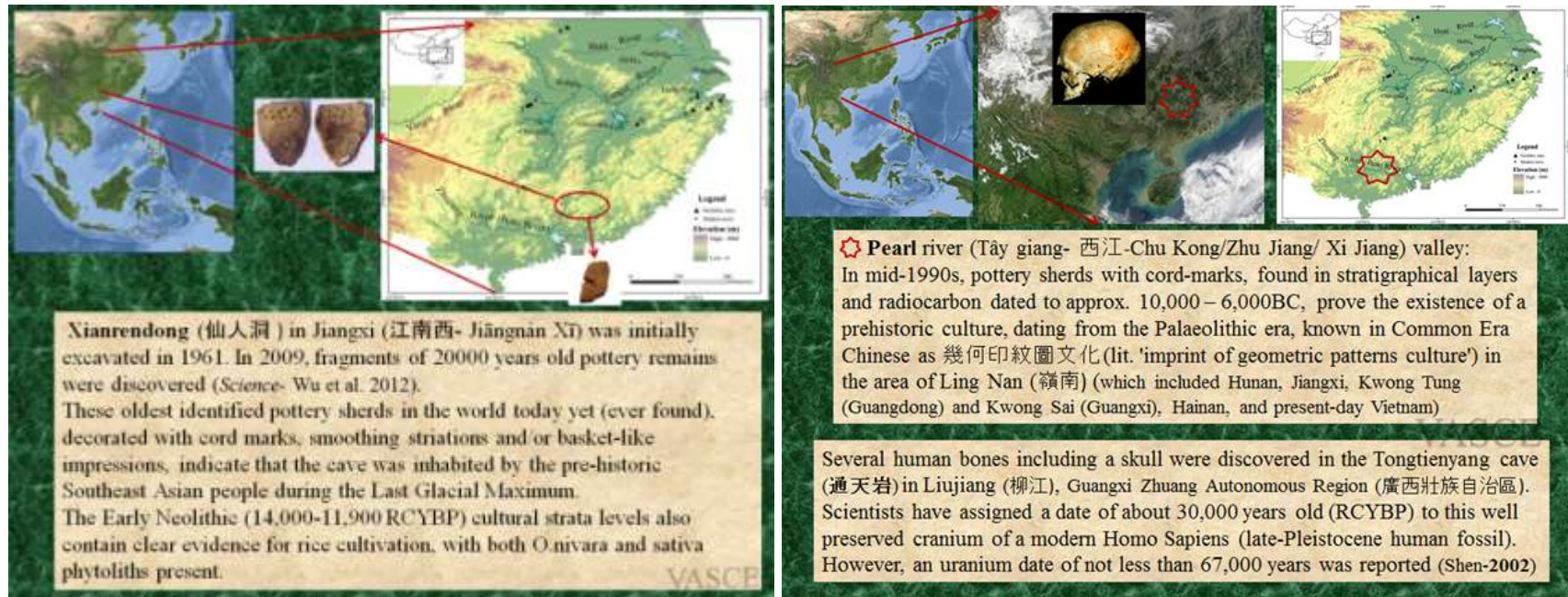


**Bắc Sơn:** rìu đá mài      chày đá, bàn nghiền

## Khoảng 12,000 – 8,000 năm trước TL: Văn hóa vùng châu thổ Châu giang (Việt giang - Tây giang)

Động Xianren trong hạt Vạn Niên (Wannian), tỉnh Giang Tây (Jiangxi), và Dốc Đứng (Yuchan) trong hạt Dao tỉnh Hồ Nam (Hunan), được tìm thấy có những hạt thóc định tuổi khoảng chừng 12,000 năm, chứng tỏ vùng châu thổ Châu giang và Nam Trường giang rất có thể là nơi trồng lúa sớm nhất ở Đông Á.

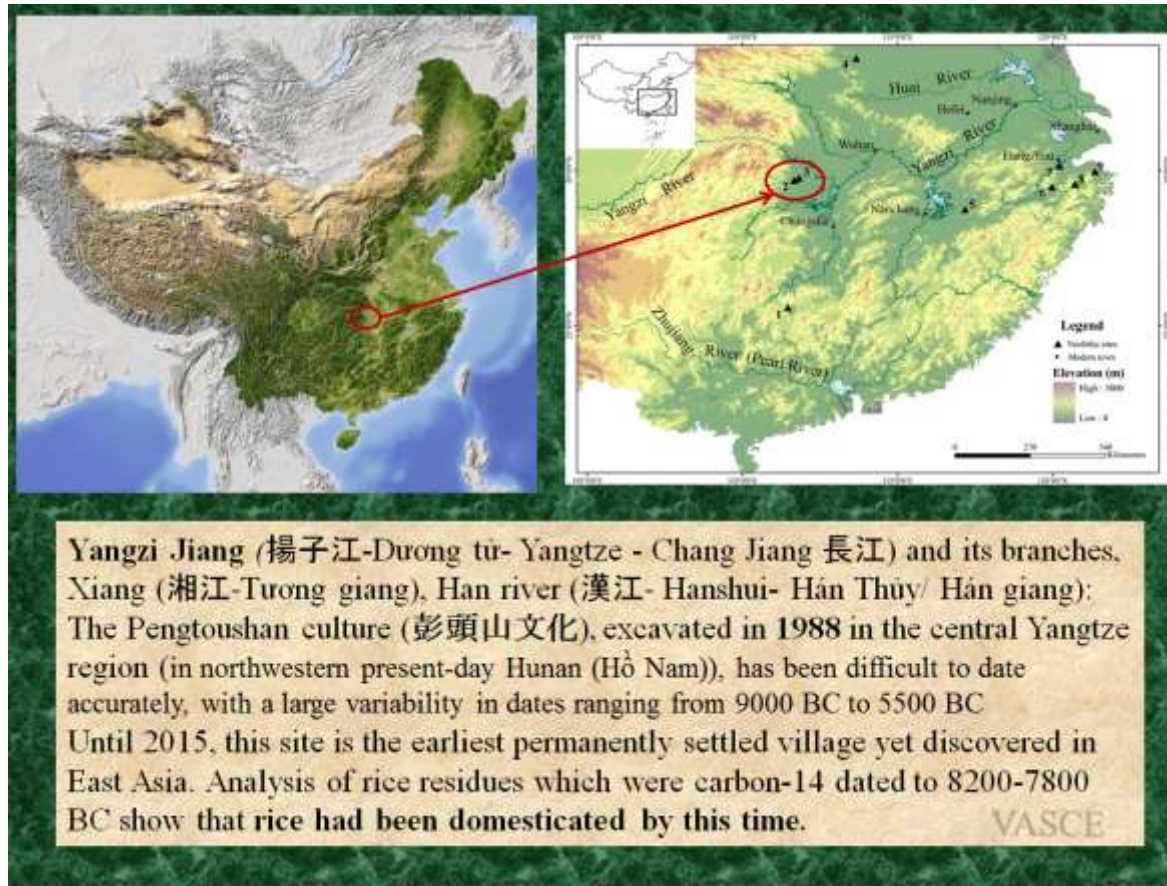
(Tài liệu: *Cội Nguồn Văn Minh ở Trung Quốc* đăng trên tạp chí Sino-Platonic Papers, Đại học Pennsylvania, số 175 December-2006, Zhou Jixu)



Nguồn ảnh: Internet – Tổng hợp và Chú thích: YHDo © 2015

**Khoảng 9,000 – 5,500 trước TL: Văn hóa vùng châu thổ trung lưu Trường giang (Dương tử giang)**

Văn hóa **Pengtoushan (Bành Đầu Sơn)** trong vùng đồng bằng **phía Tây hồ Động Đình**, khai quật thấy năm 1988.



Nguồn ảnh: Internet – Tổng hợp và Chú thích: YHDo © 2015

Đây là nơi được tìm thấy có: di tích **làng định cư** sớm nhất tại Đông Á, đồ gốm, các hạt lúa có niên đại 8,200 – 7,800 năm trước TL.

Khoảng **8,000 – 5,500** năm trước TL: Văn hóa vùng châu thổ **Hoài thủy - Lạc thủy - Nam Hoàng hà**

Văn hóa **Giả Hồ (Jiahu)**: Giả Hồ (Jiahu), trong vùng thượng lưu sông Hoài, phía Nam của Lạc thủy và Hoàng hà, khai quật được vào năm 1962, cho thấy người thượng cổ “Giả Hồ” đã biết trồng ***lúa nước***, sống có phong tục: trồng tiểu mễ và lúa trong vùng châu thổ các sông Hoài (Huai) và Lạc thủy (Luo), mộ táng có lễ vật mai táng, từ đồ gốm cho đến mai rùa, yếm rùa có khắc ký hiệu, ...

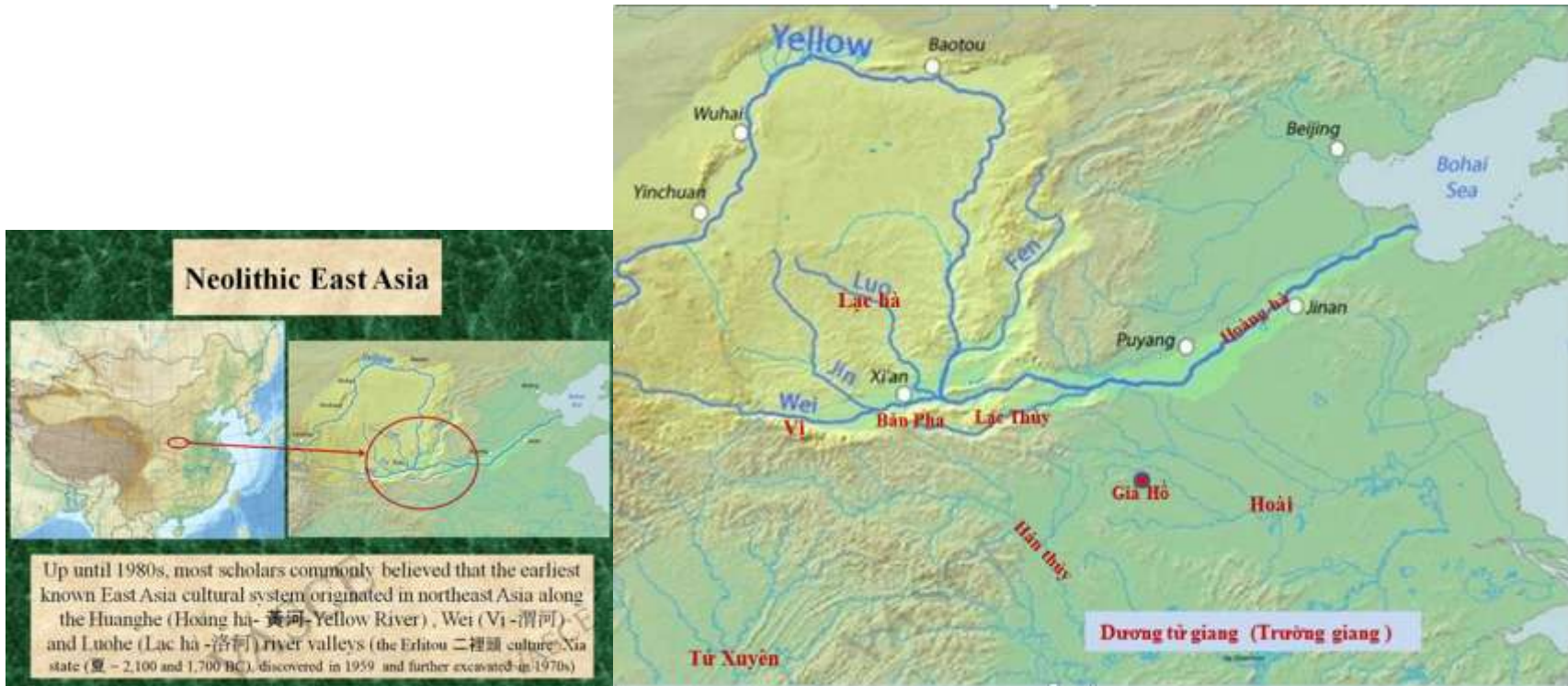


Ký hiệu trên đồ gốm **Jiahu (Giả Hồ)**

\***Lạc Dương**, cố đô của nhiều triều đại: Đông Chu, Đông Hán, Tào Ngụy, Tây Tấn, Bắc Ngụy, Tùy, Đường (Võ hậu), Hậu Lương, Hậu Đường,.... ở bên bờ phía Bắc (bắc ngạn) của **Lạc thủy**.  
Nguồn ảnh: Internet – Tổng hợp và Chú thích: YHDo © 2015

Những nét khắc trên mai rùa có niên đại khoảng 6,200 đến 6,600 năm trước TL có thể là chữ viết tượng hình sớm nhất của nhân loại (Antiquity Tập 77, số 295, tháng 3 năm 2003, The earliest writings? Sign use in the seventh Millennium BC at Jiahu, Henan Province, China, by Xueqin Li, Garman Harbottle, Juzhong Zhang, Changsui Wang).

Tại di chỉ khảo cổ này được khai quật thấy có những dụng cụ *làm ruộng*, phần lớn được chế tác theo cách mài nhẵn: nông cụ đá mài **kiểu văn hóa Hòa Bình**- có thể nhận ra được các mai đá, liềm, dao, cối xay bằng đá, gậy đá, mai bằng xương thú...



Nguồn ảnh: Internet – Tổng hợp và Chú thích: YHDo © 2015

**Nghi vấn:**

Dân tộc trồng “**mễ**” ven sông “**Lạc**” (Lạc thủy, phía Nam Hoàng hà): có thể đây chính là người **Lạc Việt** thượng cổ chăng? Về sau, có chữ Việt bộ Mễ - 粵 - để mô tả người Việt là tộc người biết làm ruộng lúa nước và biết sử dụng liềm hái gặt lúa.



Khoảng 7,000 – 6,000 năm trước TL:

1971: W.G. Solheim II và các đồng nghiệp trình bày những chứng tích khảo cổ giúp chứng minh là:

\* người thượng cổ đã từ phương Nam (Văn Hóa Hòa Bình ở châu thổ sông Mạ (Mã) và sông Cả khoảng 15,000 - 20,000 năm trước)

\* đi lên phương Bắc, định cư và phát sinh nền văn hóa Ngưỡng Thiều (Yangshao) (khoảng 7,000 năm trước TL )  
(Solheim II W.G.: New light on a forgotten past. National Geographic, 1971)



Nguồn ảnh: Internet – Tổng hợp và Chú thích: YHDo © 2015

Ký hiệu trên đồ gốm **Banpo** (Bản Pha)      Mô hình nhà Yangshao

Năm 1953, di chỉ khảo cổ Bản Pha được phát hiện ở vùng thượng nguồn của **Lạc Thủy** (phía nam Hoàng hà), được xem là *giai đoạn đặc biệt trọng trung* của nền văn hóa Yangshao (Ngưỡng Thiều).

Nhiều nghiên cứu đã cho là văn hóa **Lungshan** (Long sơn) (từ trước vẫn được xem là phát triển từ Ngưỡng Thiều) và văn hóa **Ngưỡng Thiều** đều bắt nguồn từ gốc văn hóa Hòa Bình ở miền bắc Đông Nam Á rồi sau di chuyển lên phía Bắc.

1998: (Beijing Review, ấn bản tuần lễ từ 23-29 tháng 3/1998, mục Culture/Science) tổng hợp nhiều kết quả khảo cổ nhìn nhận có nền văn hoá của các chủng tộc Việt thượng cổ trước khi tộc Hoa xuất hiện.

#### **Khảo luận:**

Năm 1998, công trình nghiên cứu về di truyền học *Genetic Relationship of Population in China* ( Prof. J.Y. Chu và 13 người cộng sự, Human Genetics Center, University of Texas-Houston, TX 77225, Đại học Texas, được đăng trong The Nation Academy of Sciences, USA, Vol.95 issue 20, ngày 29 tháng 7 năm 1998), phân tích 15-30 mẫu DNA micro-satellites để thử nghiệm sự khác biệt di truyền trong 28 nhóm dân từ nhiều vùng khác nhau ở Đông Á (Trung Hoa ngày nay), với kết luận tóm lược như sau:

1. Các bằng chứng di truyền cho thấy là người Homo sapiens không thể tự phát trong vùng Đông Á.
2. Theo phương pháp Phylogenetics Analysis, điều hầu như có lý nhất là Tổ tiên của các tộc dân Đông Á ngày nay có nguồn gốc từ Đông Nam Á.
3. Người Tàu ở phía Bắc Đông Á có cấu trúc di truyền khác với người Tàu ở phía Nam Đông Á.

Khoảng 6,000 – 4,000 năm trước TL:

Các phiến đá khắc ký hiệu tượng hình: *chữ* của người Việt cổ (Cảm Tang, Quảng Tây) (được tìm thấy năm 2011)



Xẻng đá Cảm Tang



Qua đá vùng sông Tả

Nguồn ảnh: Internet



(a=chữ Mộc; b=chữ Sĩ; c=chữ Xuất; d=chữ Cháp; e=chữ Công)

Các **ký hiệu giống như chữ** khắc trên xẻng đá Cẩm Tang, trên qua đá vùng sông Tả (Quảng Tây) của người Việt cổ đã từng được thấy:

1. trên hai chiếc đĩa gốm ở vùng văn hóa Hòa Bình (ký hiệu giống chữ Sĩ): Nhà khảo cổ Madeleine Colani (1866, Strasbourg - 1943, Hà Nội) tìm được ở vùng văn hóa Hòa Bình (Việt Nam) năm 1923 với niên đại khoảng 8,000 năm trước TL.
2. trên các mảnh xương thú (*cốt vắn*) có niên đại khoảng 7,000 – 6,000 năm trước TL, được tìm thấy ở vùng văn hóa Ngưỡng Thiều (vùng thượng nguồn của Lạc Thủy, phía nam Hoàng hà)
3. trên mai rùa (*giáp vắn*) có niên đại khoảng 6,200 đến 6,600 năm trước TL, được tìm thấy ở vùng văn hóa Giả Hồ (vùng châu thổ Hoài thủy - Lạc thủy - Nam Hoàng hà)



1



2



3

Nguồn ảnh: Internet

Chứng tích "chữ viết cổ" xác nhận nền văn minh Đông Á thượng cổ đã có từ hơn **mấy ngàn năm trước khi tộc người Mongoloid phương Bắc đến xâm lấn địa bàn cư trú của người Đông Á thượng cổ** (vào khoảng 2,700 năm trước TL) là **một sự thật lịch sử**.

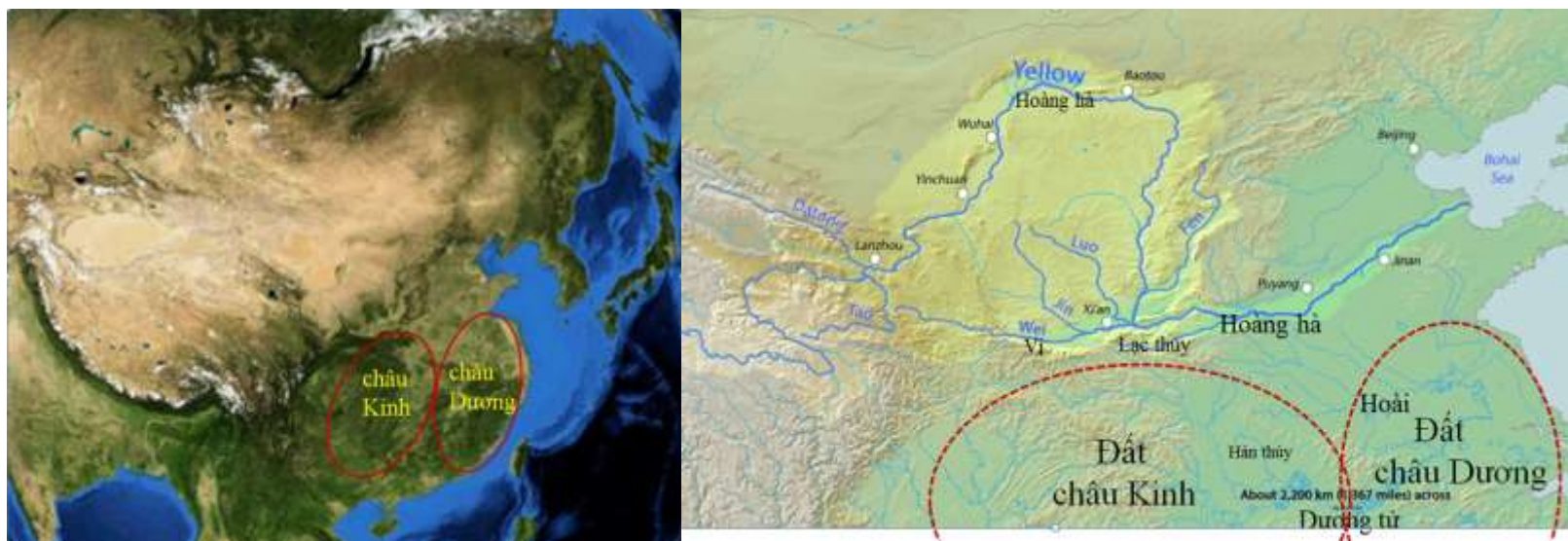
Khoảng **3,000** năm trước TL: Theo Truyền thuyết: **Thời Kinh Dương Vương (2879 trước TL)\***.

\* trong “**Đại Việt Sử ký toàn thư**” Ngô Sĩ Liên(...- 1479) ghi lại với sự ngỡ vực: **18 đời vua Hùng (2879-258 trước TL)** ... và còn căn dặn người đời sau: “tin sách chẳng bằng không có sách” (tận tín thư bất như vô thư).

Kinh Dương Vương làm *vua phương Nam*, đặt tên đất nước là Xích Quỷ. Nước Xích Quỷ của người Việt thượng cổ trải rộng trong miền Đông Á, gồm có cả hai châu Kinh và Dương (sau này là hai châu chính của nước Sở (1122 – 221 trước TL).

Cư dân đất Kinh\*\* phân đông thuộc tộc Âu (chủng Thái). Đất Dương đông dân thuộc tộc Lạc (chủng Việt).

\*\*có thuyết cho là: về sau được gọi là người Kinh



Nguồn ảnh: Internet – Tổng hợp và Chú thích: YHDo © 2015

**Nghi vấn:** Kinh Dương Vương có thể không phải là tên *hiệu* một vị vua, mà là để gọi **vị vua** cai quản hai đất Kinh và đất Dương của người Việt thượng cổ.

Theo **Thượng thư** (còn được gọi là Kinh Thư sau khi Khổng tử san định):

- Châu Dương gồm vùng châu thổ sông Hoài và phần châu thổ hạ lưu Trường giang (Dương Tử)
- Châu Kinh gồm vùng châu thổ các sông Hán (Hán thủy), Đà, Tiềm và phần châu thổ trung lưu Trường giang.

Khoảng **3,000** năm trước TL: Văn hóa thượng cổ Tứ Xuyên (văn hóa **Sanxingdui** – Tam Tinh Đồi).

Theo các ghi nhận khảo cổ và nhân chủng học vào hậu bán thế kỷ XX, dân thượng cổ vùng Tứ Xuyên khởi đầu hợp thành các bộ tộc tại khu vực dãy Mân Sơn trên thượng lưu Mân giang, thuộc miền giáp ranh các vùng Tứ Xuyên - Cam Túc - Thanh Hải ( Sichuan – Gansu - Qinghai) ngày nay.

Sau đó, họ di dân theo thượng lưu Hán Thủy, qua châu thổ hạ lưu Vị Thủy, tiếp tục di về phía Đông đến lưu vực Lạc Thủy. Theo như thế: trong vùng **Trung Nguyên Đông Á**, **di dân từ Tứ Xuyên đến sau** (khoảng 2,000 năm trước TL) đã pha giống (lai) với **cư dân thượng cổ đã từ miền Bắc Đông Nam Á** (văn hóa **Hòa Bình**) đến định cư khoảng 7,000 – 6,000 năm trước TL trong vùng châu thổ **Lạc Thủy** (văn hóa Yangshao - Ngưỡng Thiều).



Nguồn ảnh: Internet – Tổng hợp và Chú thích: YHDo © 2015



Ghi chú:

Các di chỉ đồ đồng văn hóa Sanxingdui rất tinh xảo và phong phú nhưng **chưa thấy dấu vết “chữ viết”** (ký tự) (khoảng 1000 năm trước đời nhà Hạ, khoảng 1500 năm trước đời nhà Thương)

**Nghi vấn:**

**Bên phía Tây miền Đông Á**, các chủng tộc *Tứ Xuyên thượng cổ* và *Đông Á thượng cổ* pha giống (lai nhau) sinh ra **tộc Thái thượng cổ**, được xem là **tổ tiên** của các giống người thuộc nhiều tộc trong nhóm **Bách Việt** sau này.

Theo lý luận như thế, **nhà Hạ** (thuộc tộc người *Tứ Xuyên thượng cổ*) có thể được xem là **một triều đại thuộc một tộc tổ tiên trong Bách Việt**.

Khoảng **2700-2600** năm trước TL:

Theo Truyền thuyết và Cổ sử Tàu: Quân và dân của Hiên Viên Hoàng Đế (người thuộc chủng tộc Mongoloid phương Bắc) từ phía Bắc vùng bán đảo Sơn Đông, vượt qua Hoàng hà, xâm lăng vào đất Trung Nguyên của người Đông Á thượng cổ (các bộ tộc Bách Việt thượng cổ) ở vùng châu thổ Lạc thủy và sông Hoài, phía Nam Hoàng Hà. **Hoàng Đế (2697-2597 trước TL) lấy Giao Chỉ làm biên giới phía Tây Nam của đất Hoàng Đế.**



Nguồn ảnh: Internet – Tổng hợp và Chú thích: YHDo © 2015

**Nghi vấn:** Bên phía Đông Bắc miền Đông Á, các chủng tộc Đông Á thượng cổ và Mông (Mongoloid phương Bắc) pha giống (lai nhau) sinh ra một tộc mới: **tộc Mongoloid phương Nam**, sau này được xem là tổ tiên của tộc Hoa.



Khoảng 2,356 – 2,258 năm trước TL:

**Đế Nghiêu (帝堯)**, từng là tù trưởng bộ lạc ở đất Đào, sau lại cải phong ở đất Đường (nên còn được gọi là Đào Đường thị (陶唐氏) hoặc Đường Nghiêu (唐堯)), cho gia tộc họ Hi đến định cư ở Nam Giao, lập đàn quan sát thiên văn và **án định miền đất giáp ranh với Nam Giao, bên phía Nam, là đất Giao Chỉ.**

**2258** trước TL: “*Nghiêu thế, Việt Thường thị kiến thiên tuế thần quy, bồi hữu Khoa đầu*”.

Dịch nghĩa: thời vua Nghiêu, người Việt Thường đến dâng rùa thần nghìn tuổi, lưng có chữ Khoa đầu.

Sách "Thông Chí" của Trịnh Tiều ghi rõ: ...Đời Đào Đường, phương Nam có bộ Việt Thường cử sứ bộ qua hai lần phiên dịch đến dâng tặng con rùa thần có lẽ đã sống 1000 năm, mình dài hơn 3 thước, trên lưng có khắc văn Khoa Đầu ghi việc trời đất mở mang, Vua Nghiêu sai chép lại và gọi là Quy Lịch.

#### **Nghi vấn:**

1. theo cách phát âm tiếng Việt thượng cổ:

\* Âm *Nghiêu* (Đế Nghiêu) có thể là do đọc trại từ âm *Nghi*.

Theo truyền thuyết cổ sử Việt, Đế Nghi có thể là Đế Nghiêu?

\*Hai miền đất **Đào** và **Đường**, thời cổ xưa, không rõ ranh giới như thế nào?

Có thuyết cho là âm *Đào* có thể là do đọc trại từ âm *Giao*.

2. Người thượng cổ Đông Á, trong đó có người Việt Thường ở phương Nam, **đã có chữ viết từ trước thời Đế Nghiêu (Nghi)**, sau này được gọi là chữ *khoa đầu*. Điều này phù hợp với việc khai quật thấy:

- ký hiệu *chữ cổ* có niên đại khoảng 6,000-4,000 năm trước TL, khắc trên đá, trên các vật dụng bằng đá (xẻng đá, qua đá) tại Quảng tây, châu thổ sông Tả (phụ lưu của Tây giang) năm 2011.

- ký hiệu trên mai rùa (*giáp văn*) có niên đại khoảng 6,200 đến 6,600 năm trước TL, tìm thấy ở vùng văn hóa Giả Hồ.

- ký hiệu trên các mảnh xương thú (*cốt văn*) có niên đại khoảng 7,000 – 6,000 năm trước TL, tìm thấy ở vùng văn hóa Ngưỡng Thiều (vùng thượng nguồn của Lạc Thủy, phía Nam Hoàng hà).

Khoảng năm **2205-1675\*** trước TL: **Nhà Hạ** trải qua **mười bảy đời vua**, kinh đô Lạc Dương ở vùng châu thổ Lạc thủy (bên phía Nam của Hoàng hà). Người sáng lập nhà Hạ là vua Đại Vũ\*\*

\* Một số học giả Âu Mỹ nghiên cứu và suy luận là nhà Hạ chỉ vào khoảng 1800 – 1500 trước TL

\*\*Vua Vũ: tên Cao Mật. Cha là **ông Cản**, người tộc Hạ ở đất Thạch Nữu, Tây Khương (Tứ Xuyên).

#### **Nghi vấn:**

Tên *Cản* là một *tên gọi* của tộc người Đông Á thượng cổ. *Cản* là đọc theo *âm Việt cổ*, có thể là do từ việc ông trị thủy, theo cách dùng đất, gỗ để ngăn **cản** nước lũ. Tiếng Tàu ký âm là *Cổn* (?).

Thượng thư (Hồng phạm) và Quốc ngữ (Lỗ ngữ) có ghi lại "*Cổn chướng hồng thủy*". Việc trị thủy thất bại, *Cổn (ông Cản)* bị sát hại.

Vua Vũ cải tiến phương pháp trị thủy của cha, vét lòng sông, đoàn kết được các bộ tộc, lao công vất vả trong 13 năm rồi chế ngự được nước lụt. Công trình trị thủy của vua Vũ gồm "*khai thông chín sông, đào thông Tế, Tháp ra Chư Hải, khơi Nhữ, Hán; tháo nước Hoài, Tứ vào Giang*". Vua Vũ cũng chú trọng đến nông nghiệp, nêu tôn chỉ "*tự thân trồng trọt mà có thiên hạ*".

Do vua Vũ có công trị thủy và sản xuất nông nghiệp, thế lực của bộ tộc Hạ thêm vững mạnh. Vua Vũ nhiều lần đánh bại và xua đuổi người Tam Miêu đến lưu vực Đan Giang và Hán Thủy, nhờ thế ông được tôn lên thành thủ lĩnh liên minh các bộ tộc vùng Trung Nguyên Đông Á (bình nguyên Hoa Bắc sau này).

Vua Vũ được tôn phong là tổ nhà Hạ nên có danh hiệu Hạ Vũ (夏禹), và cũng vì thống ngự được các bộ tộc nên còn được gọi là Đại Vũ (大禹). Trước thời vua Vũ, các vua thường chỉ được xem là các *vua huyền thoại* thời thượng cổ mà thôi. Vua Vũ chia thiên hạ làm chín châu. Đất Bách Việt thuộc về châu Dương (Dương châu).

Theo như thế thì **vào thời nhà Hạ, Giao Chỉ thuộc về đất châu Dương.**

Tương truyền khi vua Vũ đi trị thủy đến sông Lạc (Lạc thủy), thấy Rùa Thần xuất hiện, trên mai có ký hiệu kỳ bí, vua ghi lại, gọi là Lạc thư.

“**Hà xuất Đồ, Lạc xuất Thư, thánh nhân tắc chi**” (Dịch Kinh Bản Nghĩa, Mục Hà Đồ & Hệ Từ Thượng Truyện, chương 10).

**Đồ** (Hà đồ) hiện ra ở Hoàng hà, **Thư** (Lạc thư) hiện ra ở Lạc thủy, thánh nhân theo đấy ứng xử.

Vua Đại Vũ, có Cơ tử giúp, theo Lạc thư (sách Lạc) lập ra Hồng Phạm Cửu Trù gồm tất cả 55 tiết, ứng với số 55 của Hà Đồ. Chín chương Hồng Phạm là phương pháp căn cốt để trị nước, yên dân, bậc quân vương theo đấy mà thay Trời trị dân.

**Nghi vấn** : Văn hóa Đông Á thượng cổ có một số bí ẩn chưa được giải đáp thỏa đáng, trong đó có:

- Nguồn gốc của quan niệm Thái Cực? Nguồn gốc sâu xa của hình tượng ☯ (chữ Vạn)?
- Có thể nào hình tượng chữ Vạn đã được du nhập vào Đông Á thượng cổ và được bí mật ẩn giấu trong cách sắp xếp các tượng số của Hà Đồ và Lạc Thư?
- Xuất xứ của Hà Đồ và Lạc Thư.
- Hồng Phạm Cửu Trù được ghi lại bằng cách nào? với **chữ** gì? vì mãi đến hậu bán thế kỷ XX, khảo xét các di chỉ khảo cổ đời nhà Hạ chỉ thấy có các dấu hiệu (khoảng 24 hình tượng trên các đồ gốm- Fang Yusheng, 1965), mà **chưa phải là chữ** (ký tự).



Các di chỉ khảo cổ đời nhà Hạ khai quật được tại Lạc Dương, châu thổ Lạc Thủy

**Xin nêu giả thuyết :**

**Quan niệm Thái Cực, Âm Dương có thể đã có nguồn gốc từ lục địa thượng cổ Đông Á vào thưở rất xa xưa.** Trải qua nhiều đời, các hiền triết thượng cổ Đông Á đã dày công xem xét những hiện tượng thiên nhiên (Trời Đất, người với muôn vật,..), ghi chú, dốc tâm suy cứu, để cố hiểu bí mật vũ trụ, từ đấy đúc kết nên tinh hoa Dịch lý, lập ra các hình tượng Hà Đồ, Lạc Thư lưu truyền lại cho đời sau.

**Rất có thể là đã có nhiều nền văn minh thượng cổ hiện hữu nơi lục địa Đông Á vào những thời điểm khác nhau, trong đó có các nền văn minh của các bộ tộc Bách Việt thượng cổ.** Các nền văn minh ấy đã có thời bùng sáng rồi thay đổi lu mờ theo thời gian. Qua bao ngàn năm, người đời sau đã chỉ thu tìm lại được, với không ít sai lạc, những phần rời rạc, những điều rơi rớt còn sót lại của các nền văn minh thượng cổ ấy. Các di sản văn minh, các sự kiện lịch sử của quá khứ vô đã vô tình bị đưa đẩy vào một trạng thái mơ hồ, huyền bí.

Vì thế mà đã có nhiều **truyền thuyết do người đời sau đặt ra** để thần thánh hóa nguồn gốc của các di sản văn minh và lịch sử của thời thượng cổ Đông Á. Điển hình là truyền thuyết Long Mã hiện ra ở Hoàng hà với hình tượng Hà Đồ trên lưng, Thần Qui hiện ra ở Lạc Thủy với hình tượng Lạc Thư trên mu rùa.

Đời nhà **Thương** (khoảng 1675 – 1046 trước TL):

Trong **khoảng đầu triều đại** (1600 – 1400 trước TL) **chưa thấy có chữ viết**: trên các di chỉ khảo cổ khai quật được tại Erligang (Nhị Lý Cương - Zhengzhou, Henan) vào năm 1951, chỉ thấy có các dấu hiệu, *hoa văn trang trí*, trên các đồ đồng, đồ gốm, ngọc... mà chưa phải là **chữ**.

Đến đời vua Bàn Canh (1401-1374 trước TL) nhà Thương **vượt qua Hoàng Hà tiến về phía Đông Bắc**, thiên đô đến Ân Khư (Anyang- An Dương ngày nay) (vì thế còn được gọi là nhà Ân hay Ân-Thương). Các khai quật khảo cổ tại An Dương (từ 1928 đến 1998) thấy rất nhiều di chỉ **giáp cốt văn\***, **đột nhiên** hiện hữu trong giai đoạn Ân-Thương (1220-1045 trước TL)

\*Năm 1964, 41,000 hình khắc trên các giáp cốt đã được công bố, tổng kết khoảng 4,500 chữ đơn, và trong số 3,000 chữ có thể đọc và hiểu được, có hơn 1,000 chữ được nhiều nhà nghiên cứu đồng ý về từ và nghĩa.



Nguồn ảnh: Internet

### **Nghi vấn:**

Nhà Thương, gốc **dân du mục**, khởi nghiệp từ miền Tây thượng nguồn sông Vị. Trong khoảng 1600 - 1400 trước TL, vua quan nhà Thương mở rộng lãnh thổ về phía Đông, cướp phá chiếm đoạt đất đai của nhiều bộ tộc thượng cổ Đông Á. Họ đã soán đoạt các công trình văn hóa của nhà Hạ và của các bộ tộc trong vùng Tứ Xuyên, Nam Hoàng Hà, Lạc Thủy, vùng Bắc thượng lưu sông Hoài... nhưng các di tích khảo cổ chưa thấy có dấu vết "chữ viết" (dù là giáp cốt văn). Rất có thể là vì những nền văn hóa tại những nơi họ chiếm đoạt chưa có **chữ viết**, và còn chính họ thì khá chắc là họ cũng không có **chữ viết**.

Trong giai đoạn Ân-Thương, khoảng 1220 – 1045 trước TL, nhà Thương đã mở rộng lãnh thổ về phía Nam Hoàng hà, tiến chiếm đất đai của các bộ tộc thượng cổ miền Đông Á trong **vùng Trung Nguyên (bình nguyên Hoa Bắc) gồm châu thổ Bắc Trường giang (đất Kinh thời thượng cổ), vùng châu thổ trung lưu và hạ lưu sông Hoài (đất Dương thời thượng cổ)**. Những nơi ấy kể là phần phía Bắc của nước **Xích Quỷ thời thượng cổ**. Nhà Thương đã liên tục chiếm đoạt các công trình văn hóa của các bộ tộc người thượng cổ Đông Á, người của các bộ tộc Bách Việt thượng cổ, thu góp rất nhiều **phẩm vật di sản văn hóa, trong đó có các di sản giáp cốt văn**, đem về tàng trữ tại kinh đô Ân Khư.

Khoảng năm **1218** trước TL, theo cổ sử Tàu, Ân Cao Tôn (nhà Ân-Thương) đem quân đóng tại **đất Kinh**, phía tả ngạn (phía Bắc) sông Dương Tử (Trường giang), đánh **Quỷ Phương**, vùng Động Đình. Sau 3 năm, Ân Cao Tôn **không thắng**.

Theo truyền kỳ của tộc Việt, vào thời Hùng Vương, **giặc nhà Ân** sang xâm lấn nước ta, chinh chiến kéo dài ba năm. Vua cho tìm người hiền tài giúp nước. Thánh Gióng (Phù Đổng Thiên Vương) xin Vua cho người đúc ngựa sắt, roi sắt, xông pha trận mạc, đại phá **giặc Ân**, đánh đuổi chúng ra khỏi bờ cõi nước ta.

Ghi chú: Nếu tính theo truyền thuyết Thánh Gióng xảy ra vào thời Hùng Vương thứ 6, khoảng 1,200 năm trước TL như kể trên, thì 18 đời vua Hùng là vào khoảng từ 1,700 – 258\* năm trước TL, với mỗi đời vua Hùng trị vì trung bình 80 - 85 năm.

\*vào đầu thế kỷ XXI, một số nhà nghiên cứu tin là triều đại các vua Hùng chấm dứt vào khoảng năm 208 trước TL.

**Nghi vấn:** theo như thế:

\* Nước Văn Lang thời Hùng Vương hiện hữu trong vùng hồ Động Đình, phía Nam Trường giang.

\* Nhà Ân-Thương đã cướp đoạt nhiều công trình văn hóa của các dân tộc thượng cổ Đông Á, các tộc trong Bách Việt thượng cổ, trong đó có công trình sáng tạo **giáp cốt văn**.

\* người Đông Á thượng cổ, các tộc trong Bách Việt thượng cổ đã biết, và rất có thể là giỏi, đúc đồng, sắt, làm vũ khí....từ cả **hơn ngàn năm\* trước đời nhà Thương?**



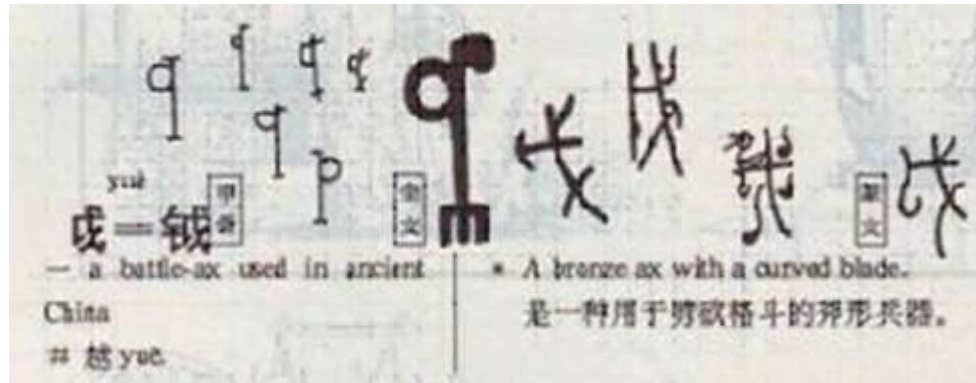
\*văn hóa thượng cổ Tứ Xuyên, Tam Tinh Đồi (Sanxingdui), khoảng **3000** năm trước TL (khoảng 1000 năm trước đời nhà Hạ, khoảng 1500 năm trước đời nhà Thương)

Đời nhà **Chu (1046 – 256** trước TL):

Khoảng **500 năm trước thời Khổng tử**:... .. đời Chu Thành Vương (1042-1021 trước TL), phía Nam **đất Giao Chỉ**, có người **Việt** Thường đến giao hảo và hiến tặng chim Trĩ trắng ... (ghi trong phần Đại truyện, *Thượng Thư*\* và Nam Man truyện, *Hậu Hán Thư*).

\***Thượng Thư** tương truyền do Khổng Tử (551 – 479 trước TL) san định. Vì không biết rõ nguồn gốc có từ bao giờ, nên Thượng Thư còn được gọi là *thiên thư (sách trời)*.

Danh xưng “**Việt**” đã được Khổng tử ghi thành chữ (văn tự), nhưng điểm rất đáng lưu ý tìm hiểu là khi ghi chép, Khổng tử đã viết chữ “**Việt**” như thế nào? theo chữ khoa đầu, giáp cốt văn? hay theo ký tự biểu tượng thượng cổ nào đó?



Một cách giải thích ký tự “**Việt**” ghi theo giáp cốt văn (Wang Hongyuan)



Khoảng **1,122** năm trước TL:

Nước Sở thành lập. Quốc tính: họ Mị **Hùng**. Vua có tước **Vương**. Dân nước Sở truyền đời thờ cúng tổ tiên thuộc dòng dõi nhà Hạ.

Nơi khởi đầu và cũng là địa bàn chính của đất Sở thời xa xưa là châu Kinh (tức đất Kinh Sở hoặc Kinh Việt).

Tộc người chính ở đất Kinh là tộc người **Âu** (thuộc chủng Thái).

Thời cực thịnh, lãnh thổ nước Sở bao gồm cả Hồ Bắc, Hồ Nam, vùng Hồ Động Đình, và gồm cả đất châu Dương, đông dân thuộc tộc **Lạc** (thuộc chủng Việt), lan rộng đến bờ biển phía Đông (Đông Hải).



Nguồn ảnh: Internet – Tổng hợp và Chú thích: YHDo © 2015

Bản đồ Đông Á thời nhà Chu (Zhou) (khoảng 1046 – 256 trước TL), thời Xuân Thu (770- 476 trước TL), thời Chiến Quốc (476- 256 trước TL) (ghi âm theo Wade-Giles) **Zhou:** Chu (Châu) - **Tsin:** Tần - **Chu:** Sở - **Yueh:** Việt.

Khoảng 800 – 700 năm trước TL: Văn hóa **Đông Sơn**



\*

Di chỉ vũ khí bằng đồng của người thượng cổ Đông Á

Bản sao\* gươm đồng có khắc **chữ cổ** và trang trí hình người trên chuôi gươm tựa như kiểu trang trí chuôi dao thời **Đông Sơn**.

\*xem kỹ hiện vẽ và nét trang trí của gươm cùng dấu vết rỉ đồng, chúng tôi ngờ rằng đây chỉ là bản sao phỏng theo di vật gươm cổ nguyên thủy hiện chưa biết thuộc sở hữu nơi đâu?

Dao găm **Đông Sơn**

Nguồn ảnh: Internet

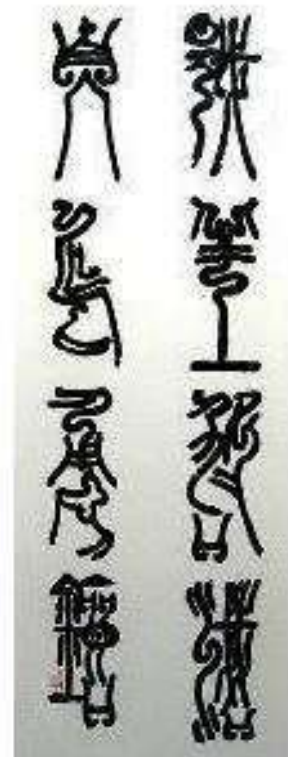
Khoảng 496 – 465 năm trước TL: Việt Vương Câu Tiễn (King Goujian of Yueh)



VIỆT VƯƠNG CÂU TIỄN



TỰ TÁC DỤNG KIỂM



戊王鳩淺  
越王勾踐  
自作用劍

Nguồn ảnh: Internet

**Chữ** của người Việt thượng cổ khắc trên thanh gươm\* của Việt Vương Câu Tiễn, thị tộc U Việt\*\*.

\*Vào năm 1965, thanh gươm của Việt Vương Câu Tiễn được khai quật thấy trong ngôi mộ cổ ở vùng Giang Lăng, Kinh Châu, tỉnh Hồ Bắc, gần Dĩnh Nam (kinh đô cổ xưa của nước Sở thượng cổ) và hiện được trưng bày tại viện bảo tàng của tỉnh này.

\*\*một tộc Việt trong số Bách Việt. Nước Việt thời Xuân Thu Chiến Quốc ở vùng Thượng Hải, Chiết Giang và Giang Tô của Trung Hoa ngày nay.

**Chữ cổ** (ký tự) biểu tượng **Việt** khắc trên thanh kiếm của Việt Vương Câu Tiễn có thể giải mã như sau:



gồm ba ký hiệu tượng hình hợp lại thành:



Người Chim    Mặt Trời    Rồng

Khoảng **300** năm trước TL:

**Cửu Ca:** Tam Lư Đại Phu nước Sở là **Khuất Nguyên** (Qu Yuan - 屈原-340 – 278 trước TL) bị đày đến Hồ Nam. Trong khi bị đày, Khuất Nguyên đã phóng tác ra **Cửu Ca** gồm những bài hát tế thần, trong bộ Sở từ, được sáng tác dựa theo các bài hát tế lễ dân gian.

\*Lăng Thuần Thanh (Ling Shun Sheng), giáo sư đại học Đài Loan, cho rằng các tộc Bách Việt đã sống trong vùng tỉnh Hồ Nam (Hunan). Theo họ Lăng, nếu xét kỹ **Cửu ca** thì người ta sẽ nhận ra những hình ảnh mô tả các cuộc tế lễ tại địa phương Hồ Nam giống như hình ảnh đã được khắc trên các di vật **đồ đồng “Đông Sơn”** của người **Đông Á thượng cổ**.



## Ghi chú tóm lược:

Từ những sự kiện trình bày trên đây, chúng ta thấy rõ rằng:

1. từ thời Hoàng Đế, hơn 2,000 năm trước thời Khổng tử, đã có địa danh **Giao Chỉ**.

**Giao Chỉ không phải là một “nước”**. Hoàng Đế(2697-2597 trước TL) lấy lĩnh thổ Giao Chỉ làm ranh giới phía Tây Nam của đất nước Hoàng Đế. Cổ sử không thấy ghi rõ Giao Chỉ ranh giới là gồm những đâu và đến đâu?

2. từ thời Đế Nghiêu, khoảng 1,800 năm trước thời Khổng tử, đã có danh hiệu **Việt** (người Việt Thường)

3. từ đời nhà Chu (1046 - 256 trước TL), khoảng 500 năm trước thời Khổng tử:… … đời Chu Thành Vương (1042-1021 trước TL), **phía Nam đất Giao Chỉ**, có người **Việt** Thường đến giao hảo và hiến tặng chim Trĩ trắng … (ghi trong phần Đại truyện, *Thượng Thư\** và *Hạ Hán Thư*, Nam Man truyện).

4. **Giao Chỉ** là một khái niệm nói về vùng đất giáp ranh phía Nam của lĩnh thổ Đường Nghiêu.

5. **Giao Chỉ ở khoảng giữa Hoàng hà và Dương Tử giang** - vào vùng đất Sở, gồm phần Bắc hai châu Kinh và châu Dương cổ xưa (có thể hiểu đây là **phần phía Bắc của nước Xích Quỷ cổ xưa**)

**Như thế, vào thời thượng cổ, Giao Chỉ không thể là ở trong vùng đồng bằng sông Hồng.**



Khoảng năm **221** trước TL: Nước Sở bị nước Tần thôn tính.

Khoảng năm **258** trước TL: Triều đại các vua Hùng chấm dứt.

Như thế: Có sự **trùng hợp truyền thuyết lịch sử** giữa “**Sở**” và “**Việt thượng cổ**”?

1. Dân đất Sở thuộc hai tộc dân Âu và Lạc Việt? Dân tộc Âu (thuộc chủng Thái), nói tiếng Thái cổ (các nhà ngữ học nay gọi là Tai-Kadai)? Dân tộc Lạc Việt (thuộc chủng Việt) nói tiếng Việt thượng cổ?
2. Theo *Cửu ca*, hình ảnh mô tả các cuộc tế lễ của dân nước Sở tại địa phương Hồ Nam giống như hình ảnh đã được khắc trên trống đồng Đông Sơn của người Việt thượng cổ.

### **Nghi vấn:**

Có thể nào các di vật trống đồng Đông Sơn có nguồn gốc từ châu Kinh cổ xưa (đất Giao Chỉ cổ xưa, đất Sở), theo những đoàn dân Âu Lạc di cư trốn tránh cuộc tàn sát của quan quân nhà Tần, trôi dạt đến các miền đất trải rộng từ Bắc Miến, Bắc Thái, Lào, Đại Lý, Điền, Lĩnh Nam, cho đến tận đồng bằng sông Hồng, sông Mạ, sông Cả, Thanh Hóa...?



Năm **145** trước TL – **86** trước TL:

Trong Sử Ký (tác giả Tư Mã Thiên), lần đầu tiên thấy ghi chép danh hiệu (từ) **Bách Việt\*\*** (tập Ngô Khởi Truyện)

\*\*ký tự 越 với (bộ 辵 (Tẩu) đã được dùng để chuyển danh hiệu “Việt” 𨾏 - đã có từ nhiều thế kỷ trước của các tộc người Việt thượng cổ- sang chữ Tàu (Hán tự).

Khoảng năm **110** trước TL: sau khi thôn tính nước Nam Việt\* của nhà Triệu, nhà Hán chia Nam Việt thành chín quận (trong đó có quận Giao Chỉ), và "Mỗi quận đặt chức thái thú để cai trị, đều liệt vào **bộ Giao Chỉ**" (*Khâm định Việt sử - tiền biên*)

\*Nước Nam Việt nhà Triệu trong vùng từ phía Nam Hồ Nam đến miền Lương Quảng (Quảng Tây, Quảng Đông)

### Khảo luận:

111 TL: Hán Thư\*\* có ghi: ...*Trong vòng bảy hoặc tám nghìn dặm từ Giao Chỉ tới Cối Kê \**, ở đâu cũng có *Bách Việt*, mỗi nhóm có các thị tộc của mình....

\* Cối kê thuộc vùng Bắc Chiết Giang, gần Đông Hải. **Cổ sử Tàu ghi chép mơ hồ về lãnh thổ Giao Chỉ: ... Trong vòng bảy hoặc tám nghìn dặm từ Giao Chỉ tới Cối Kê...** đất Giao Chỉ mênh mông, trải rộng đến bảy hoặc tám nghìn dặm bên phía Tây của Cối Kê. Như thế có thể hiểu **Giao Chỉ là từ vùng châu thổ trung lưu Trường Giang, vùng hồ Động Đình, xuống đến cả Lĩnh Nam.**

\*\* Hán Thư (hoàn tất năm 111 TL) ghi lại những sự việc từ thời Tây Hán (Tiền Hán - từ 206 trước TL) đến khi hết loạn Vương Mãng (Wang Mang- 23 TL), vì thế còn được gọi là Tiền Hán Thư.

### Nghi vấn:

Như thế là gần 3,000 năm sau đời Hoàng Đế, vua quan **nhà Hán đã gộp đất Nam Việt nhà Triệu vào với đất Giao Chỉ đến tận miền Lĩnh Nam, đổi “lãnh thổ Giao Chỉ” thành địa danh hành chính “Giao Chỉ Bộ”.**

Nhưng các sử gia, văn gia từ thời Hán về sau, thường chỉ ghi chép sai lạc *Giao Chỉ* là ở miền Lĩnh Nam.

**Năm 40 TL:**

**Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng ở đất Giao Chỉ thành công. Bà Trưng Trắc lên ngôi vua.**

Cổ sử Việt ghi: ... *Canh Tí. Hán Kiến Vũ thập lục niên. Xuân nhị nguyệt. Giao Chỉ\* nữ tử Trưng Trắc khởi binh công thái thú Tô Định, trục chi, tự lập vì vương...*



*Hình ảnh các di vật đồ đồng của người thượng cổ Đông Á: Vũ khí thời Đông Sơn*

Nguồn ảnh: Internet

\*Theo đoạn văn trên, chúng tôi **nêu nghi vấn:**

Vì Hai Bà Trưng quê ở **Giao Chỉ**, nên **cuộc khởi nghĩa của Hai Bà phải là được khởi phát trong vùng lãnh thổ khoảng từ hồ Động Đình đến miền Lĩnh Nam, vùng núi Ngũ Lĩnh, đồng bằng Việt giang, chứ không phải ở đồng bằng sông Hồng (Bắc Việt Nam ngày nay).**



### Khảo luận:

Vào thế kỷ XVI – XVII, sứ thần **Nguyễn Thục** (1554 - 1637), người làng Vân Diêm (tên nôm là Kê Đóm)(xưa thuộc xã Vân Hà, huyện Đông Ngàn, Kinh Bắc). Ông thi đỗ tiến sĩ đệ nhị giáp (Hoàng Giáp) khoa thi Đình đầu tiên thời Lê Trung Hưng (1595) mở tại Thăng Long. Trong thời gian được cử đi sứ bên Tàu, ông có làm một số bài thơ, sau bị thất lạc. Mãi đến thế kỷ 18, Lê Quý Đôn sưu tầm được mười bài, có bốn bài Nguyễn Thục làm khi trên đường đi sứ, trong đó có bài *Nam hoàn chí Ngũ Lĩnh* nhắc đến biên thùy Ngũ Lĩnh của đất Việt, sự tích Trung Vương, truyền tích *đồng trụ*....

#### 南還至五嶺

五嶺峒嶢鎮越陞，  
許多景致占清奇。  
鬱蔥冬後松千幹，  
濃艷春前梅一枝。  
銅柱徵王留舊蹟，  
石街張相儼叢祠。  
封疆自古分中外，  
堪羨天工巧設施。  
阮實

#### Nam hoàn chí Ngũ Lĩnh

Ngũ Lĩnh thiều nghiêu trản Việt thùy,  
Hứa đa cảnh trí chiếm thanh kì.  
Uất thông đông hậu tùng thiên cán,  
Nùng diễm xuân tiền mai nhất chi.  
Đồng trụ Trung Vương lưu cựu tích,  
Thạch nhai Trương Tướng\* nghiễm tùng từ.  
Phong cương tự cổ phân trung ngoại,  
Kham tiện thiên công xảo thiết thi.

**Nguyễn Thục**

**Chú thích:** “Về Nam đến Ngũ Lĩnh” – Tác giả: Nguyễn Thục (Bản chữ Tàu và âm Hán Việt được Lí Nhĩ Chân đưa lên mạng- Ngày 10-3-2011)

\*張相：張 “Trương” là 張九齡 (Trương Cửu Linh), người huyện Khúc Giang - Thiều Châu (thuộc thành phố Thiều Quan tỉnh Quảng Đông ngày nay). Thời Đường Huyền Tông làm 尚書右丞相 (Thượng thư Hữu Thừa tướng), do đó mới gọi là 張相 (Trương Tướng). Năm Khai Nguyên thứ tư (716 TL) họ Trương đục núi sửa đường ải Mai Quan (梅關) trên dãy Ngũ Lĩnh, cải thiện *cổ đạo* qua lại giữa Lĩnh Nam và Trung Nguyên.

**Ngũ Lĩnh:** được xem là đường phân thủy giữa hai vùng châu thổ của Trường giang (sông Dương Tử) và Việt giang (Tây giang /Châu giang).

Theo Thủy Kinh Chú (水經注-Shui-ching zhu, tác giả Lịch Đạo Nguyên (Li Dao-Yuan - 466 – 527)):

Ngũ Lĩnh gồm 5 rặng núi hợp thành, tổng thể trải dài hơn ngàn cây số theo hướng Tây Nam - Đông Bắc, theo thứ tự từ Tây sang Đông như sau:

**Việt Thành lĩnh** (Yuechengling - 越城嶺)

**Đô Bàn lĩnh** (Dupangling - 都龐嶺)

**Manh Chử lĩnh** (Mengzhuling - 萌渚嶺)

**Kỵ Điền lĩnh** (Qitianling - 騎田嶺)

**Đại Du (Dữu) lĩnh** (Tayuling - 大庾嶺)

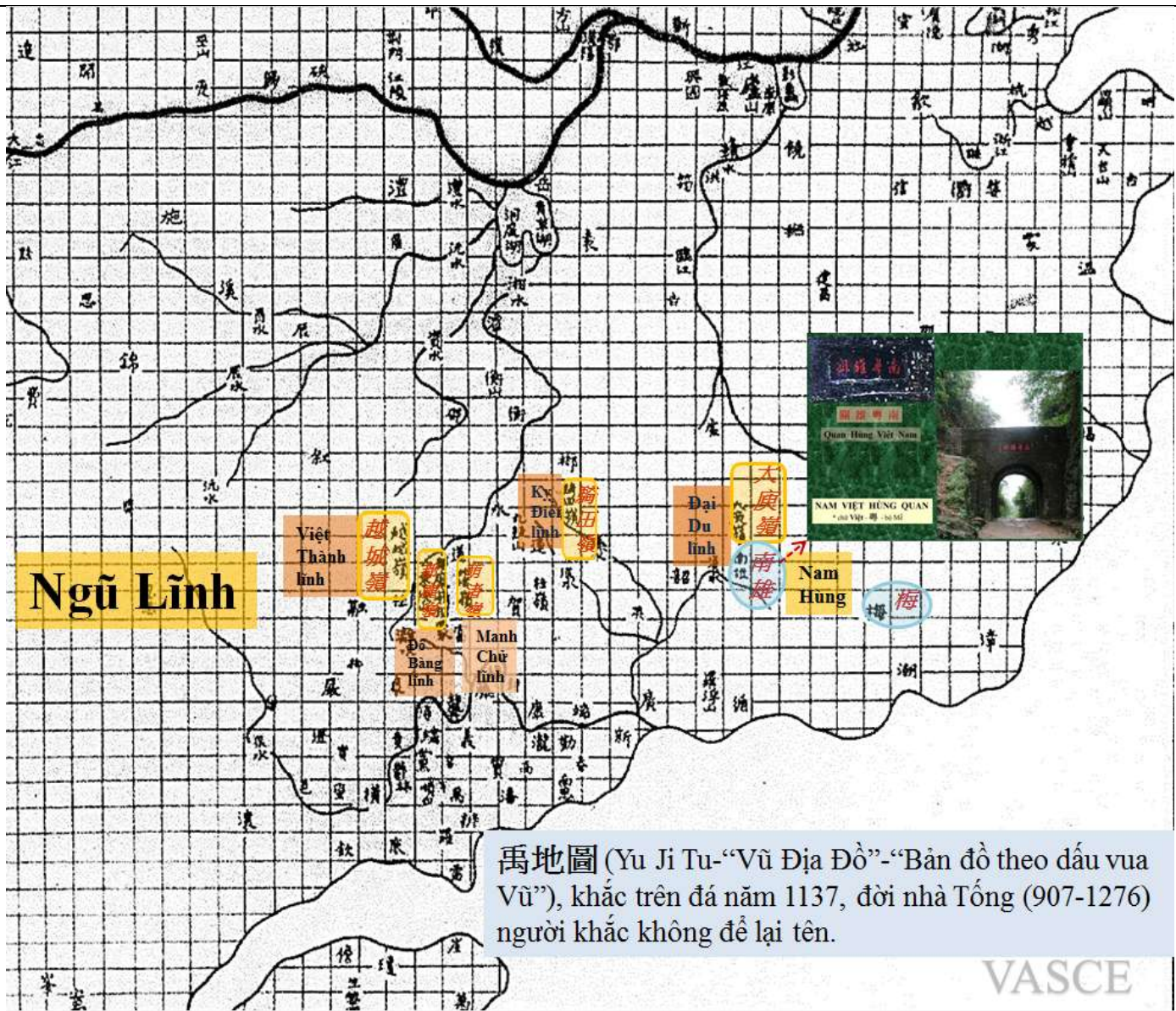
Thủy Kinh Chú có ghi: .... Nhà Tần đặt đồn phòng giữ biên giới ở Ngũ Lĩnh....

Theo Hán thư, Trương Nhĩ truyện (Hội Trinh chú): .... phía Nam nước Tần có đồn biên giới ở Ngũ Lĩnh.

Quế Hải ngu hành chí (Phạm Thành Đại) cho rằng: ... thành của Tần ở phía Bắc thành Quế Lâm 80 dặm.

Tương truyền là đất nhà Tần lập đồn biên phòng ở Việt Thành lĩnh (thuộc Ngũ Lĩnh), thành ở phía Nam Tương Thủy (sông Tương), ở khoảng giữa hai sông Dung và Ly, di chỉ vẫn còn, thành giếng đá cũng không bị sụt lở....

Từ khoảng thế kỷ XIX, Ngũ Lĩnh được ghi trong cổ sử Tàu và các bản đồ cổ với tên **Nam Lĩnh**.



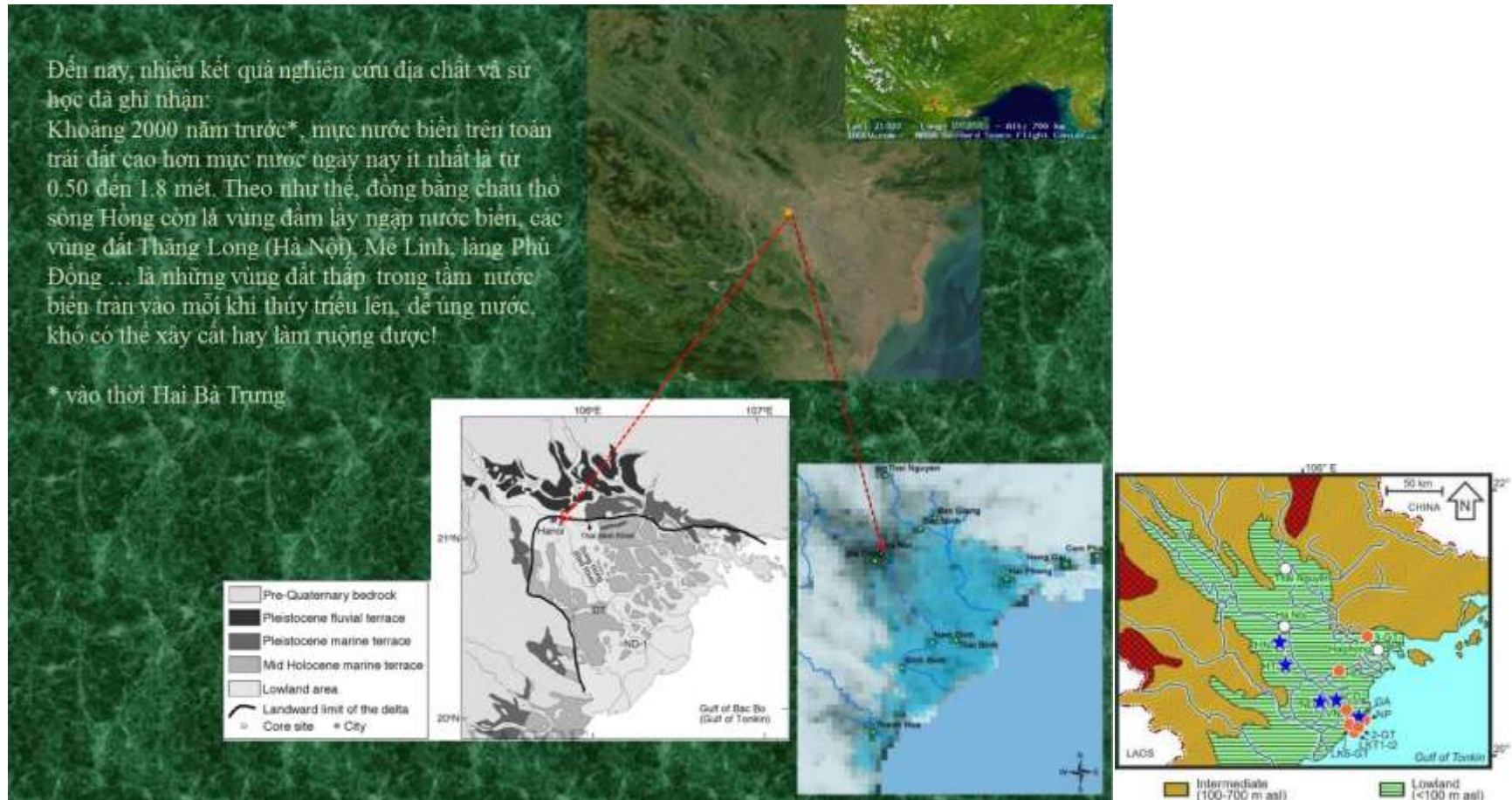
**Ngũ Lĩnh**

禹地圖 (Yu Ji Tu-“Vũ Địa Đồ”-“Bản đồ theo dấu vua Vũ”), khắc trên đá năm 1137, đời nhà Tống (907-1276) người khắc không để lại tên.

VASCE

## Khảo luận:

Xin trình bày thêm một lý do nữa để thấy là vào thời Hai Bà Trưng, lĩnh thổ Giao Chi khó có thể hiện hữu trong vùng đồng bằng sông Hồng: Khoảng 2,000 năm trước, châu thổ sông Hồng còn là vùng đầm lầy úng nước biển. (xin xem thêm bài **Đồng bằng sông Hồng ngày xưa** - Đỗ Hoàng Ý)



Nguồn ảnh: Internet – Tổng hợp và Chú thích: YHDo – ©2015

Từ những khảo luận trên, chúng tôi xin nêu **giả thuyết**:

Bà Trưng Trắc xưng Vương, đóng đô ở **Mê Linh**. Hai Bà khởi nghĩa ở Giao Chỉ nên ắt đã chọn một nơi thuận tiện trong lĩnh thổ Giao Chỉ làm kinh đô.

Như vậy, **kinh đô Mê Linh ở miền Lĩnh Nam chứ không ở trong vùng đồng bằng sông Hồng.**

**Kinh đô Mê Linh của nước Việt cổ tọa lạc trong vùng Ngũ Lĩnh, mạn Tây Bắc miền Lĩnh Nam.**

### **Khảo luận:**

Từ thời thượng cổ, các tộc người Đông Á thông thương qua lại giữa hai miền đồng bằng Việt giang (Tây giang, Châu giang) với đồng bằng trung lưu Dương Tử, qua **đèo Mơ\*** trên **núi Mơ Linh** trong rừng Đại Du (Dữu) thuộc Ngũ Lĩnh, đường đi rất hiểm trở khó qua lại.

Vua quan nhà Tần cho xây cửa ải (ải quan) trên đèo Mơ, đặt tên **Hoành Phổ quan**, còn tên nôm **Mơ quan** chắc là từ xưa do cư dân bản địa quen gọi theo tiếng Việt cổ. Sau này, gọi 梅关 theo âm Tàu là Méiguan (**Mê quan\*\***).

Đồi Đường gọi là Tần quan (Qin quan). Năm 716, Tể tướng Trương Cửu Linh mở rộng thêm lối đi, cho đục đá xuyên qua núi bên dưới lối đi cũ để bớt dốc và lát gạch cho dễ qua lại, gọi là **Mê quan cổ đạo**. Trên tường mặt hướng Nam cửa ải có khắc hàng chữ "**Nam Việt Hùng quan**" - 南粤雄關, mặt hướng Bắc có khắc hàng chữ "**Lĩnh Nam Đệ Nhất quan**" - 嶺南第一關.

Đồi Tổng, ải quan được gọi là **Lĩnh Thượng quan**.

\*Đèo Mê Linh, (Núi) Mê Lĩnh (Meiling Pass, Mei Ling: Complete Atlas of China, prepared by Mr. Edward Stanford for the China Inland Mission – Edward Stanford, Ltd., London, 1908-1917).

\*Núi Mơ Linh (Montagnes Meling- Asie Orientale, Chine & Japon. Atlas spheroidal & universel de géographie dresse par F.A. Garnier, géographe. Vve.Jules Renouard, Editeur, Rue de Tournon, no. 6, Paris.1860. Imp. de Sarazin, 8 r. Git-le-Coeur, Paris).

\*\*hầu như các tác giả đều ghi là Mai quan, nhưng:

Chữ 梅 khi dùng riêng lẻ, nên đọc theo âm Việt là **Mơ**, theo Pinyin là Méi (phát âm **Mê**), để chỉ giống hoa hoặc quả **Mơ ta** (Latin- Âu Mỹ gọi là: Prunus mume -plum, abricotier du Japon, Japanese apricot- prune, ...)

Chữ 梅 (nghĩa: mơ) khi dùng chung với chữ 关 (nghĩa: 1.đèo, đường đi hẹp, cheo leo qua núi- 2. cửa ải, quan ải), đọc theo Pinyin là Méiguān (phát âm Mê quan), nếu đọc theo âm Việt là **Mơ quan**. Chữ kép 梅关 để chỉ cửa ải trên đường đèo núi Mơ, theo cách nói của người Việt thì nên gọi đây là **cửa ải trên đèo Mơ**.

Chữ 梅 (nghĩa: mơ) khi dùng chung với chữ 花 (nghĩa: hoa) thì đọc là **Mai hoa** (âm Việt Hán).

Chữ kép 梅花 trong văn thơ Tàu để chỉ hoa Mai vàng (Hoàng Mai), nhưng các tác giả Âu Mỹ lại dùng 梅花 để chỉ **hoa mận** (plum flower). Xin xem thêm bài khảo luận về tên gọi các giống Mơ và Mai.

Chữ kép 梅嶺 theo âm tiếng Việt là **Mơ Linh**, đọc theo Pinyin là Meiling (phát âm **Mê Lĩnh**), các tác giả Âu Mỹ dùng 梅嶺 để chỉ **núi Mận** (plum mountain).



Nguồn ảnh: Internet

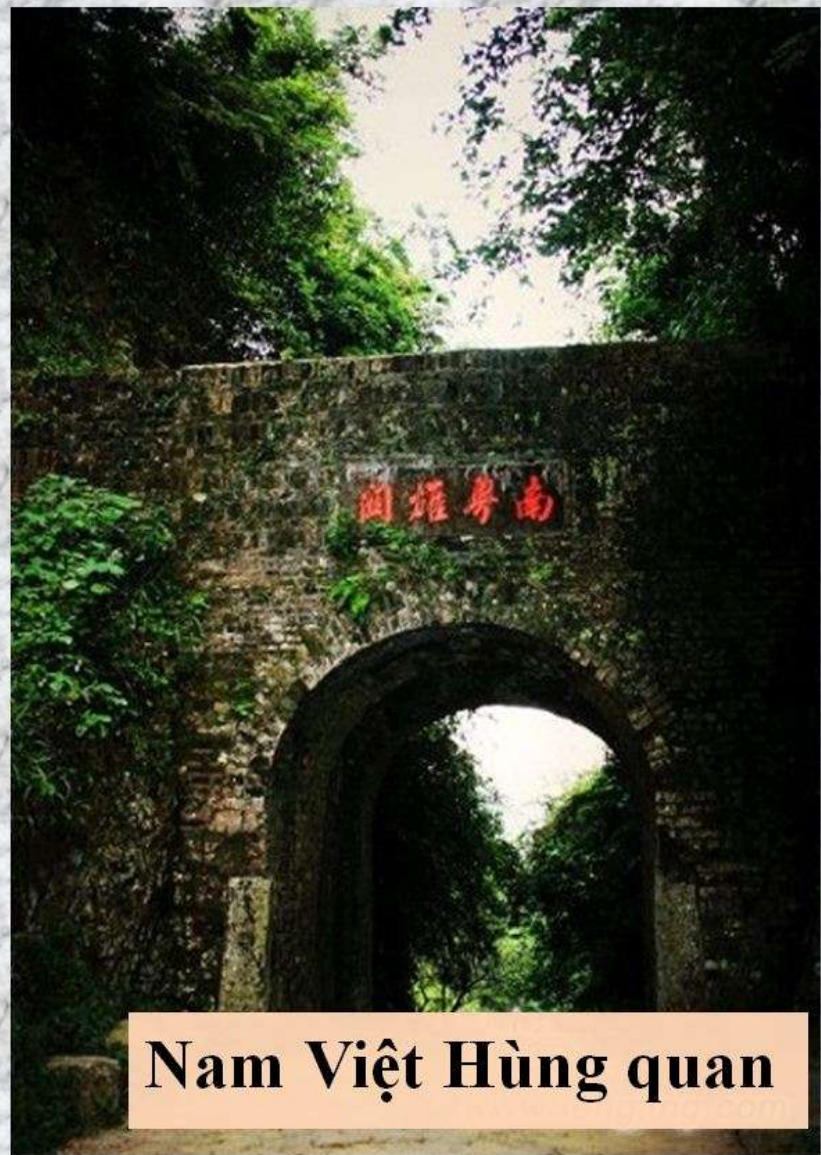
YHDo - ©2015



關 雄 嶺 南

Quan Hùng Việt\* Nam

\* chữ Việt - 嶺 - bộ Mã



Nam Việt Hùng quan



嶺南第一關

Quan Nhất Đệ Nam Lĩnh

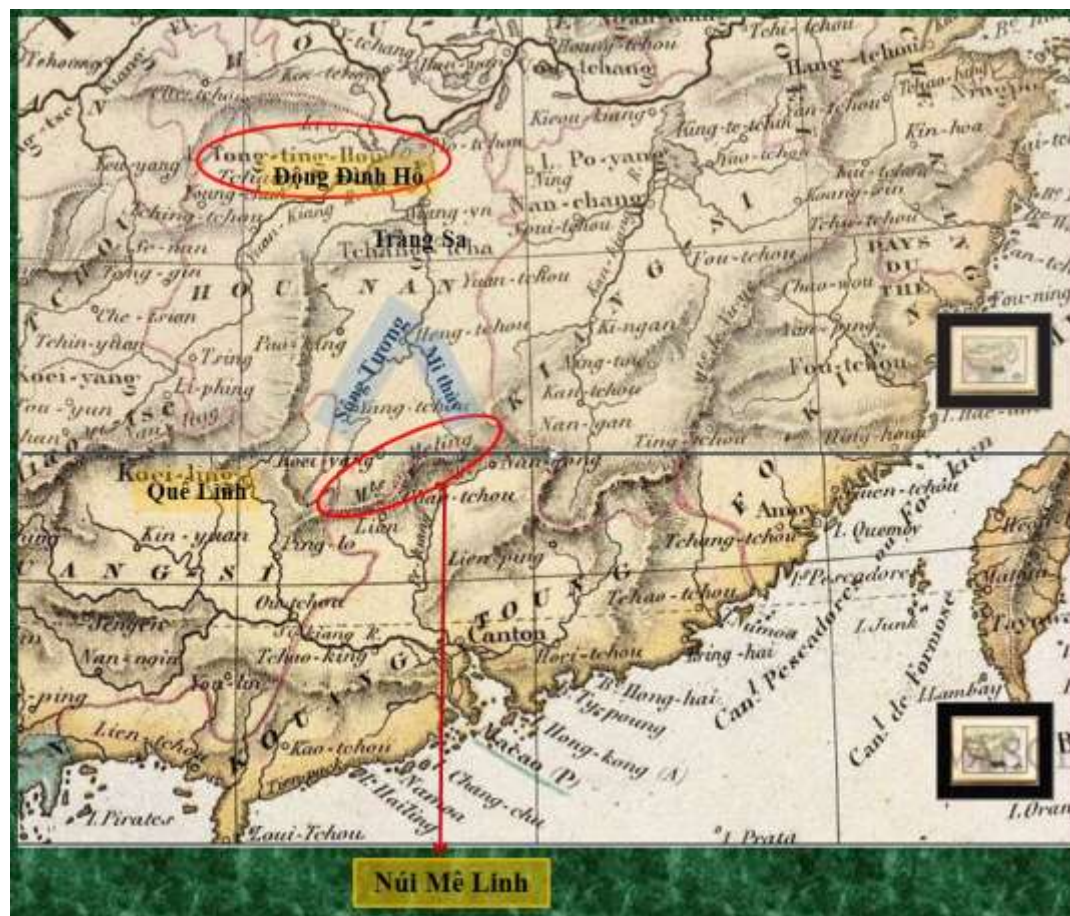


Lĩnh Nam Đệ Nhất quan





Đến thế kỷ XIX-XX, núi **Mơ Linh** được thấy ghi trên các bản đồ cổ của người Âu Tây như sau:

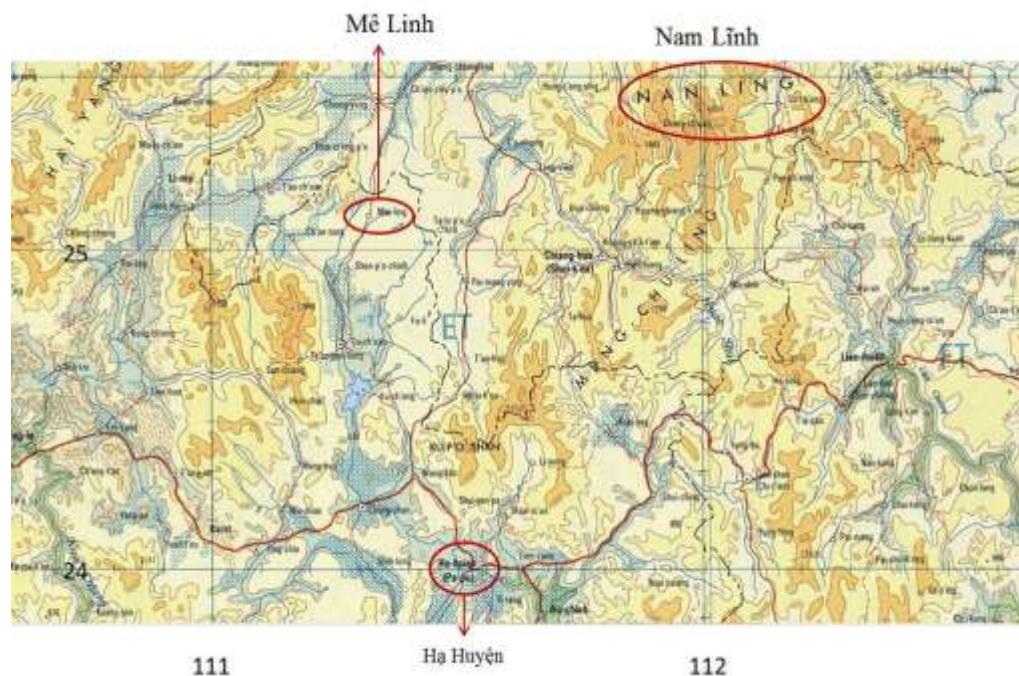


Nguồn ảnh: Internet – Tổng hợp và Chú thích: YHDo – ©2015

*Asie Orientale, Chine&Japon. Atlas spheroidal & universel de geographie dresse par F.A. Garnier, geographe. Vve. Jules Renouard, Editeur, Rue de Tournon, no. 6, Paris. 1860. Imp. de Sarazin, 8 r. Git-le-Coeur, Paris.*

Ghi chú: **Meling**, đọc theo âm tiếng Pháp là: Mơ Linh hoặc M'Lin.

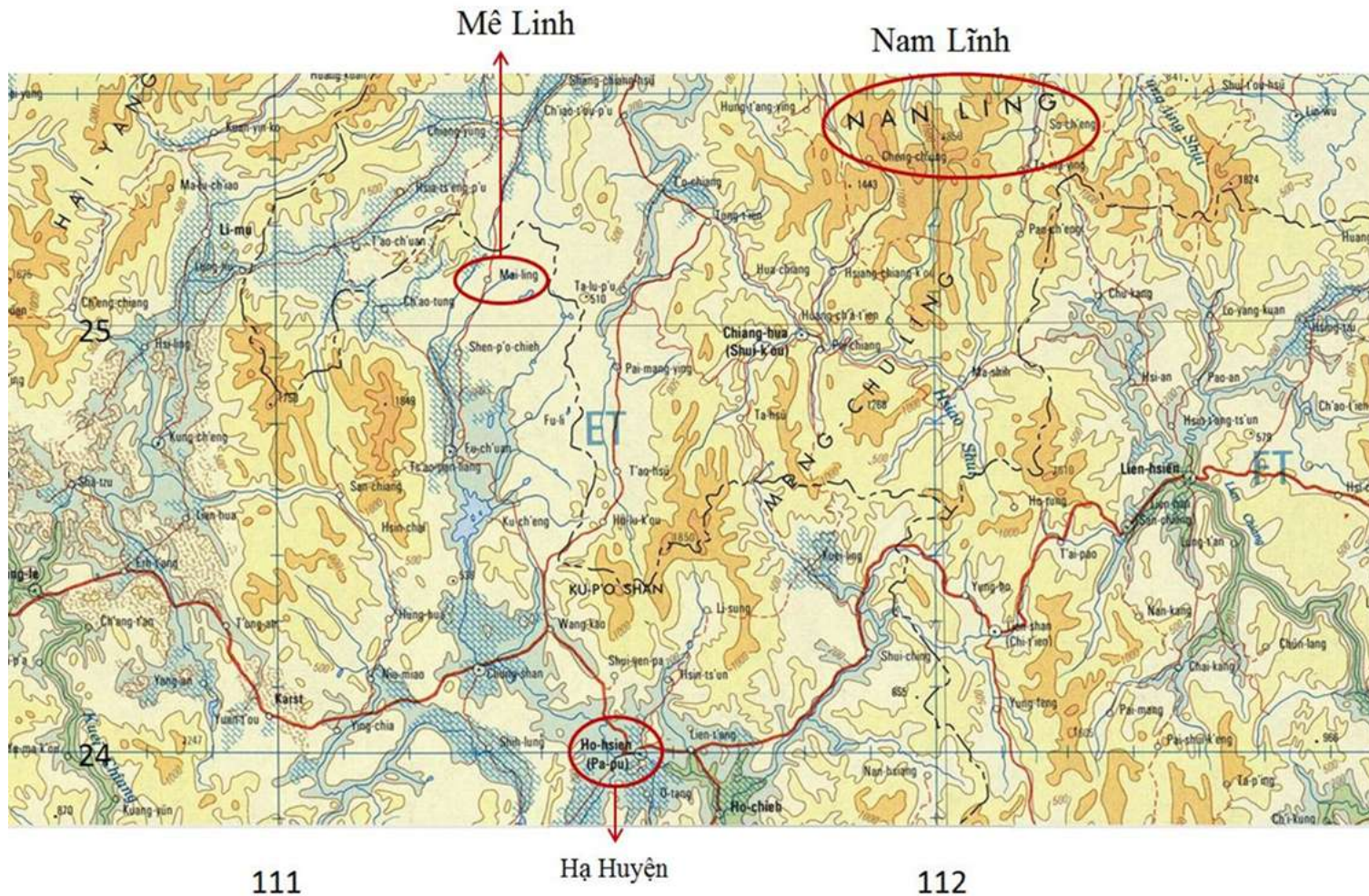
## Cao nguyên Mê (Mơ) Linh



Khoảng vùng tọa độ: Kinh độ: 111 độ 20' - Vĩ độ: 25 độ 07'

Nguồn ảnh: Internet- Tổng hợp và Chú thích: YHDo – ©2015

Đọc theo âm tiếng Việt cổ	ghi theo âm đọc tiếng Pháp	ghi theo âm đọc tiếng Anh (Wade-Giles romanization)	ghi theo âm đọc tiếng Tàu (Pinyin)	ghi theo chữ Tàu
M'Linh Mi Linh Mơ Linh	Meling	Mai-ling	Meiling  (âm Việt Hán: Mê Lĩnh/ Mê Lĩnh)	梅嶺



University of Texas Libraries: Perry-Castañeda Library- Map Collection

Army Map Service Topographic Map Series - China, Series L500, 1:250,000, U.S. Army Map Service, 1954

Ghi chú: Mai-ling (đọc theo âm tiếng Anh: **Mê Linh**, theo âm Việt-Hán: **Mê Linh**, theo âm Pin-yin: Meiling)

Nguồn ảnh: Internet- Tổng hợp và Chú thích: YHDo – ©2015

**Thế kỷ 20 – 21: Mê Linh** trong vùng núi Ngũ Lĩnh, ảnh chụp từ vệ tinh.



Nguồn ảnh Internet: Tageo.com – NASA Goddard Space Flight Center – Tổng hợp và Chú thích: YHDo – ©2015

Theo những dữ kiện sử ký địa lý trên đây, chúng tôi thấy có thể tin rằng:

1. Tổ tiên chúng ta đã lập đất nước Việt thượng cổ trong vùng trung nguyên Đông Á, đã hy sinh xương máu để bảo vệ non sông gấm vóc trải rộng bao la dưới trời Đông Á,
2. mãi đến thời Hai Bà Trưng, đất nước Việt vẫn là ở vùng châu thổ Trường giang, Việt giang (Tây giang, Châu giang), trải rộng đến khắp miền Lĩnh Nam...
3. Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng khởi phát đi từ miền Lĩnh Nam, vùng núi Ngũ Lĩnh, đồng bằng Việt giang, chứ không phải ở đồng bằng sông Hồng (Bắc Việt Nam ngày nay).
4. **Kinh đô Mê Linh của nước Việt cổ tọa lạc trong vùng Ngũ Lĩnh, mạn Bắc miền Lĩnh Nam.**

Lịch sử chân thực của người Đông Á thượng cổ đã bị xóa nhòa, văn hóa Bách Việt bị các triều đại Tàu hủy hoại, cướp phá rồi soán đoạt. Từ các đời Tần, Hán, các sử quan, văn gia Tàu, tuân theo lệnh vua, ngụy tạo biết bao chi tiết liên quan đến sử Việt thượng cổ. Ác hại hơn nữa, trong thời gian Bắc thuộc, người Việt bị bắt ép phải học theo những sử liệu “kinh điển” man trá đó khiến con cháu các đời sau ngộ nhận tệ hại về nguồn gốc dân tộc mình, ngộ nhận đồng bào mình, ngộ nhận văn hóa Việt từ thế hệ này sang đến các thế hệ kế tiếp...

Chúng tôi hy vọng bài viết này phần nào sẽ gợi ý người đọc nhận ra được những mâu thuẫn, suy xét những điều vô lý trong các sử liệu từ xưa đến nay, giúp mình thoát ra khỏi được các ngộ nhận về lịch sử Việt thượng cổ để không phụ công đức của tiền nhân, khỏi tui quốc hồn. Xin chỉ có ước mơ đơn giản vậy thôi.

Chúng tôi mong bạn đọc suy nghiệm những dữ kiện nêu ra trong bài, tìm hiểu, nghiên cứu sâu rộng hơn để vấn đề **Đất nước Việt thời thượng cổ trong vùng Đông Á** được làm sáng tỏ, để đóng góp và lưu truyền nhiều thêm các dữ kiện chân thực của lịch sử, của văn hóa dân tộc Việt cho các thế hệ mai sau.

**Đỗ Hoàng Ý**

Hoa Kỳ, tháng Tư năm 2015.

Xin chân thành ghi công và tri ân tất cả các học giả, những nhà nghiên cứu biên khảo, các nhà nhiếp ảnh đã dành tâm huyết, công sức để thu thập dữ kiện, hoàn thành các công trình biên khảo, những hình ảnh quý báu và phổ biến trên internet cho chúng tôi, những người đi sau, học hỏi, mở mang kiến thức để có thể hoàn thành bài viết này.

Xin ghi nhận và cảm ơn **ông Hồ Vĩnh Hảo** đã hợp tác, đóng góp ý kiến, tận tâm sưu tầm các tài liệu sử cổ, bản đồ cổ và bỏ rất nhiều công sức giúp tìm và định vị trí các địa danh lịch sử Việt cổ trong vùng Đông Á.

### **RECOGNITION and APPRECIATION:**

We appreciate all authors, researchers, photographers who dedicated their time and efforts to compile valuable books, articles, to capture unforgettable scenes of our homeland Vietnam and generously posted their work on the internet for public use.

In recognition of their noble sacrifices, all their intellectual properties used in this presentation are for education and preservation of Vietnamese heritage and for honoring their invaluable contributions to the knowledge of humankind.

**Notion:** Information from this source is evidence-based and objective, and without commercial influence.

This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution License, which permits unrestricted use, distribution, and reproduction in any medium, provided the original author and source are credited.

**FAIR USE NOTICE:** This essay contains copyrighted material the use of which has not always been specifically authorized by the copyright owner. We are making such material available in our efforts to advance understanding of issues of cultural and humanitarian significance. We believe this constitutes a 'fair use' of any such copyrighted material as provided for in section 107 of the US Copyright Law. In accordance with Title 17 U.S.C. Section 107,

the material in this essay is distributed without profit to those who have expressed a prior interest in receiving the included information for research and educational purposes.

If you wish to use copyrighted material from this essay for purposes of your own that go beyond 'fair use', you must obtain permission from the copyright owner.